

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Trang

HẢI PHÒNG - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Trang

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Lê Thị Trang

Mã sinh viên: 1712401011

Lớp : QT2101K

Ngành : Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao Bì Hùng Vương.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2020 tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương-Số 525 đường Hùng Vương,quận Hồng Bàng,thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.
Họ và tên sinh viên: Lê Thị Trang Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2020). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo TT 200/2014/TT-BTC.....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
1.1.2.2. Chi phí và phân loại chi phí	4
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	6
1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ	6
1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.4. Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.5. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp	10
1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	13
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.	14
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	14
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính. 18	
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	18

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp...	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	24
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200/2014/TT-BTC	25
1.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung	26
1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái	27
1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ	28
1.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - chứng từ	29
1.3.5. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức trên máy tính	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG	31
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	31
2.1.1. Thông tin chung về công ty.....	31
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	31
2.1.3. Lĩnh vực kinh doanh của công ty	32
2.1.4. Đặc điểm sản phẩm của công ty.....	32
2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức Quản lý của công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	33
2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	36
2.1.6.1. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	36
2.1.6.2. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty	38

2.1.6.3. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	40
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	40
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	40
2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty	40
2.2.1.3. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.	40
2.2.1.4. Ví dụ minh họa về kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần bao bì Hùng Vương	41
2.2.2. Thực trạng công tác Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	48
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	48
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	48
2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty	48
2.2.2.4. Ví dụ minh họa về kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần bao bì Hùng Vương.....	49
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	55
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	56
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	55
2.2.3.3. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty.	56
2.2.3.4. Ví dụ minh họa về kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý Doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	57
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	64
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	64
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	64
2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty	64
2.2.4.4. Ví dụ minh họa về kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	65
2.2.5. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	69
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	69

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	69
2.2.5.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG	79
3.1. Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP, XĐKQKD tại Công ty Cổ phần Bao bì Hùng Vương	79
3.1.1. Ưu điểm.....	79
3.1.2. Hạn chế.....	80
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	81
KẾT LUẬN	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200/2014/TT-BTC.....	25
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.	26
Sơ đồ 1.9 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái	27
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.....	29
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.	30
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp.....	34
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	37
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	41
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.....	49
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí Bán hàng và chi phí Quản lý Doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	56
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	65
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001088.....	42
Biểu 2.2 Phiếu thu số PT638.....	43
Biểu 2.3 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001090.....	44
Biểu 2.4 Giấy báo có số GBC465	45
Biểu 2.5 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung).....	46
Biểu 2.6 Sổ Cái TK 511(Trích sổ Cái TK 511)	47
Biểu 2.7 Phiếu xuất kho số P XK279.....	51
Biểu 2.8 Phiếu xuất kho số P XK282.....	52
Biểu 2.9 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung).....	53
Biểu 2.10 Sổ Cái TK 632(Trích Sổ Cái TK 632)	54
Biểu 2.11 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001090.....	57
Biểu 2.12 Phiếu Chi số PC462.....	58
Biểu 2.13 Hóa đơn GTGT số 0001092	59
Biểu 2.14 Phiếu Chi số PC468.....	60
Biểu 2.15 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung).....	61
Biểu 2.16 Sổ Cái tài khoản 641.....	62
Biểu 2.17 Sổ Cái tài khoản 642.....	63
Biểu 2.18 Giấy báo Có số GBC485	64
Biểu 2.19 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung).....	67
Biểu 2.20 Sổ Cái tài khoản 515.....	68
Biểu 2.21 Phiếu kế toán số PKT 122	71
Biểu 2.22 Phiếu kế toán số PKT123	71
Biểu 2.23 Phiếu kế toán số PKT 125	72
Biểu 2.24 Phiếu kế toán số PKT 126	72
Biểu 2.25 Phiếu kế toán số PKT 127	73
Biểu 2.26. Sổ nhật ký chung(Trích sổ nhật ký chung).....	74
Biểu 2.27 Sổ Cái TK 911(Trích sổ cái Tk 911).....	75
Biểu 2.28 Sổ Cái TK 821(Trích sổ cái Tk 821).....	76
Biểu 2.29 Sổ Cái TK 421(Trích sổ cái Tk 421).....	77
Biểu 2.30 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	78
Biểu 3.1 Sổ chi tiết bán hàng	82
Biểu 3.2 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.....	83

Biểu 3.3 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	84
Biểu 3.4 Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh	85
Biểu 3.5 Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001094	88

LỜI NÓI ĐẦU

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Bao Bì Hùng Vương, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao Bì Hùng Vương”** làm đề tài khóa luận. Thông qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao Bì Hùng Vương.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao Bì Hùng Vương.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giáo viên hướng dẫn -Th.S Nguyễn Thị Mai Linh cùng Ban lãnh đạo, các anh chị phòng Kế toán trong Công ty. Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn 1 số thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo TT 200/2014/TT-BTC.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường sản xuất ra hàng hóa bán được và bán được các sản phẩm đó trên thị trường là điều kiện kiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua bán hàng ta có thể xác định được giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm đó, hàng hóa đó được thực hiện, hàng hóa chuyển hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ) hay còn gọi là doanh thu, giúp cho vòng luân chuyển vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn được hoàn thành. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với bản thân doanh nghiệp nói riêng. Đối với các doanh nghiệp thương mại thì doanh thu có ý nghĩa rất to lớn, có doanh thu mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra, không những thế nó còn phản ánh năng lực kinh doanh và vị thế của của doanh nghiệp trên thị trường. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp với doanh nghiệp mà vẫn khoa học với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

- Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý

của các khoản thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

-Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác.

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa...bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

-Doanh thu còn bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước đối với một số hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ được nhà nước cho phép và giá trị của các sản phẩm hàng hóa đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu...

+ Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...).

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia.

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

+ Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Thu nhập hoạt động khác: là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên như thu từ việc bán vật tư, hàng hóa, tài sản, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết... các khoản phải trả nhưng không cần trả, các khoản từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

- Các khoản giảm trừ doanh thu: các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm:

+ Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

+ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với khối lượng lớn

+Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

+Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là hoàn thành bán hàng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.2.2. Chi phí và phân loại chi phí

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí bán hàng*: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là: những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

* Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế* Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

-Kết quả hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí bỏ ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được biểu hiện bằng lãi (nếu doanh thu lớn hơn chi phí) và lỗ (nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí).

-Cách tính:

+ Lợi nhuận từ HĐKD = Doanh thu bán hàng - Giá vốn hàng bán - Chi phí BH.

+ Lợi nhuận HĐTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí HĐTC.

+ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác.

+ Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận từ HĐKD+Lợi nhuận HĐTC+ Lợi nhuận khác.

+ Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế TNDN.

+ Chi phí thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế * Thuế suất thuế TNDN.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

-Nhiệm vụ kế toán doanh thu:

+ Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo kịp thời tiền bán hàng tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

+ Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

+ Ghi chép, phản ánh, tính toán hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

+ Ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

+ Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán.

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán trả chậm, trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu tiền lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong trường hợp mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng.

Theo phương thức này, doanh nghiệp sản phẩm vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng cho đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được các cơ sở đại lý thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng này.

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là hoàn thành bán hàng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

*** TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng...
- Doanh thu khác

***Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

- +Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).
- +Các khoản giảm trừ doanh thu.
- +Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

🚩 Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.

- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5112-Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK5117-Doanh thu bất động sản đầu tư.
- TK5118 - Doanh thu khác.

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

* Kết cấu của tài khoản 521:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.
- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

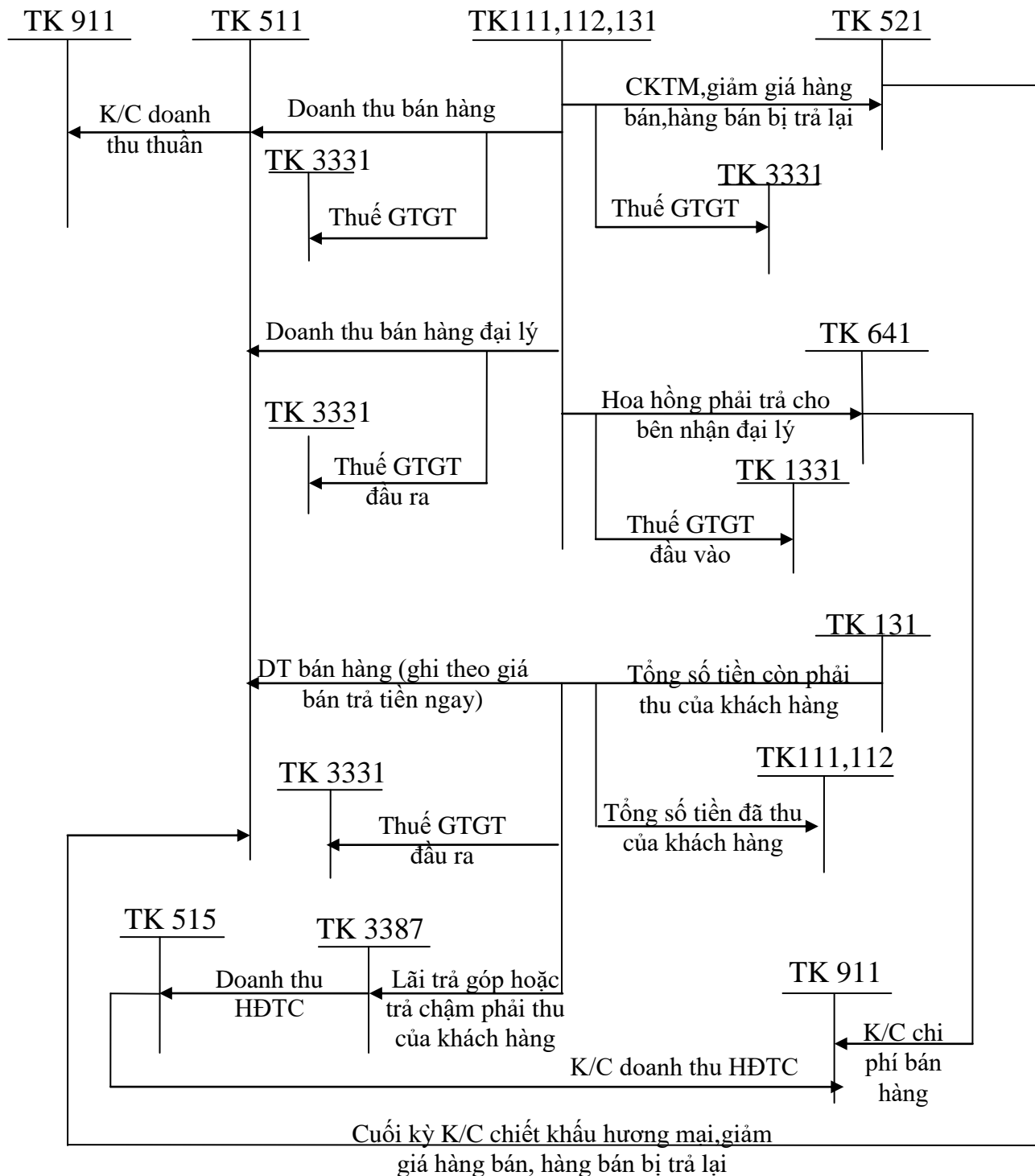
- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại.
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại.
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán.

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”.
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”.
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”.

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

a) Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, sản phẩm vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b) Phương pháp giá bình quân

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

b₁) Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bq} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

b2) Theo giá bình quân gia quyền liên hoàn

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

c) Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

d) Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Thẻ tính giá thành.
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.
- Kết cấu tài khoản 632:

Bên Nợ:

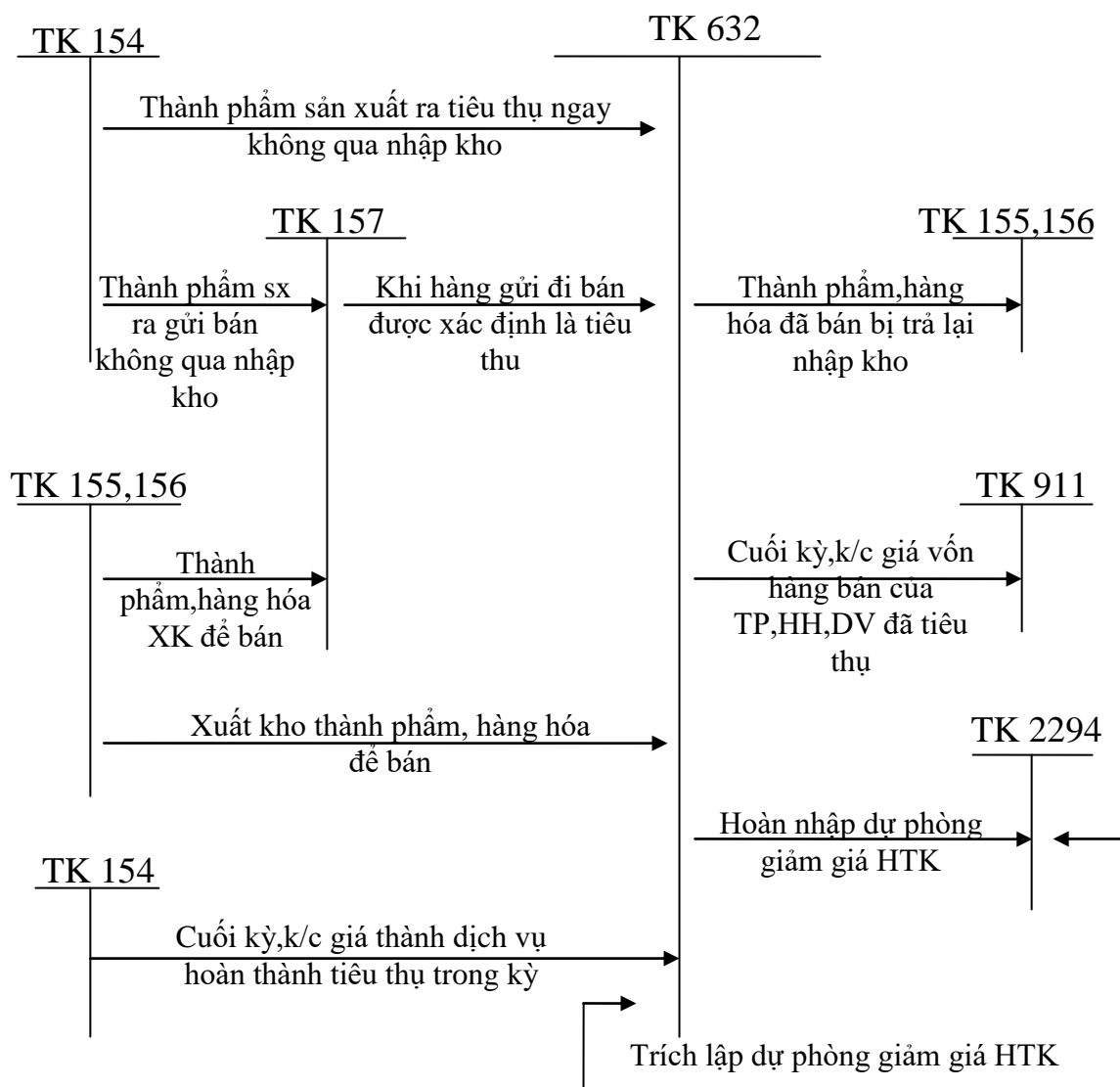
- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- + Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

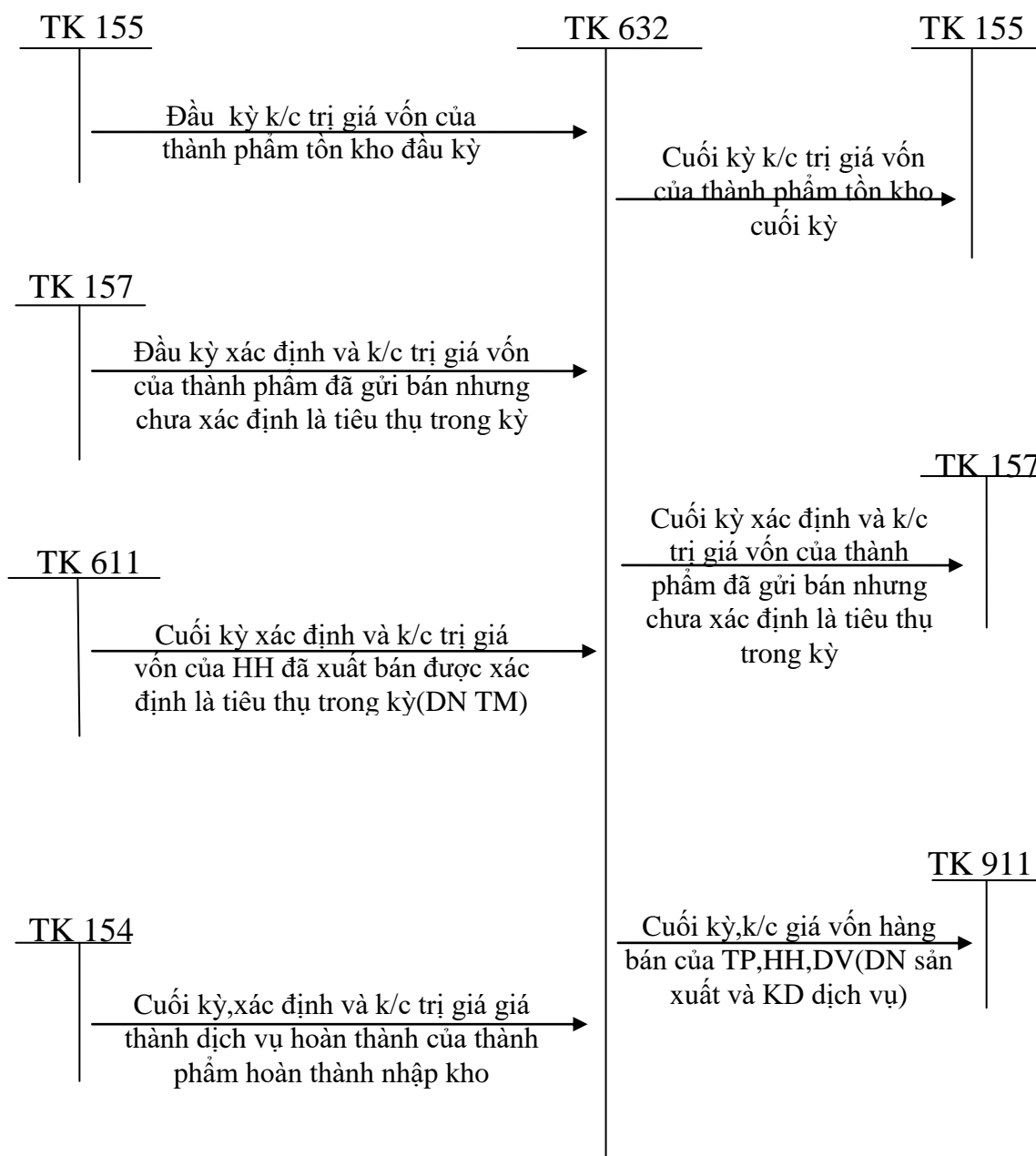
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- + Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp theo TT 200/2014/TT-BTC được thể hiện qua sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3.



Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- + Bảng phân bổ tiền lương.
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- + Phiếu chi, UNC, Giấy báo nợ.

- + Bảng phân bổ NVL - CC, DC.
- + Hóa đơn GTGT, chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

*** TK 641- Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 641:

Bên Nợ:

+Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

+Các khoản giảm chi phí bán hàng.

+Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- +Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên.
- +Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì.
- +Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dung.
- +Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ.
- +Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành.
- +Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- +Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

*** TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công tác quản lý chung của toàn trong doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 642

Bên Nợ:

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:

+TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý.

+TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý.

+TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng.

+TK 6424 - Chi phí khấu hao tài sản cố định.

+TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí.

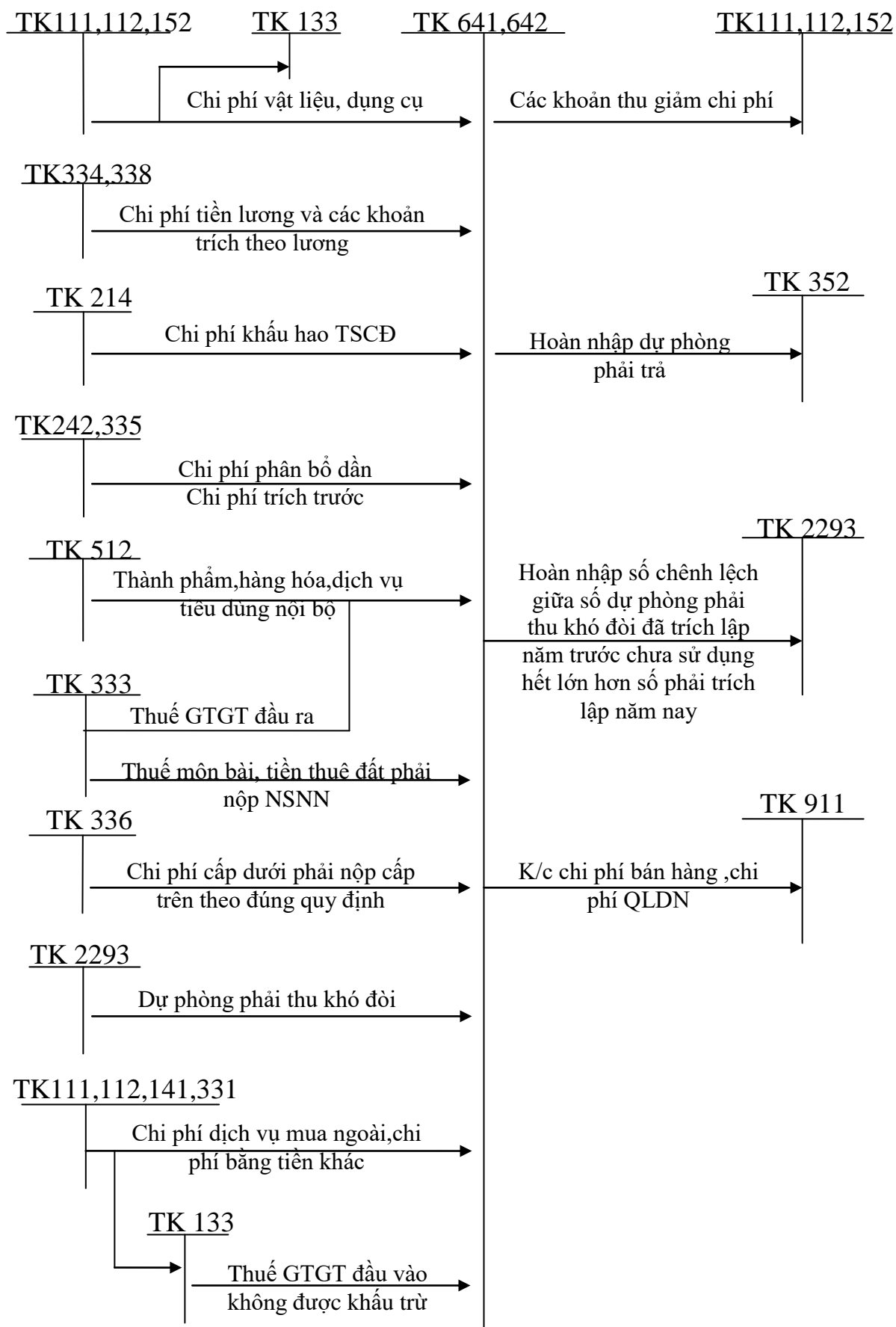
+TK 6426 - Chi phí dự phòng.

+TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+TK 6428 - Chi phí tiền khác.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng ,chi phí quản lý Doanh nghiệp được thể hiện qua **sơ đồ 1.4.**



Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ sử dụng trong hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.
- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu thu.
- + Giấy báo có.
- Chứng từ sử dụng trong hạch toán chi phí hoạt động tài chính.
- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu chi.
- + Giấy báo nợ.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 515 :

Bên Nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn

kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí đầu tư tài chính khác...

- Kết cấu TK 635:

Bên Nợ:

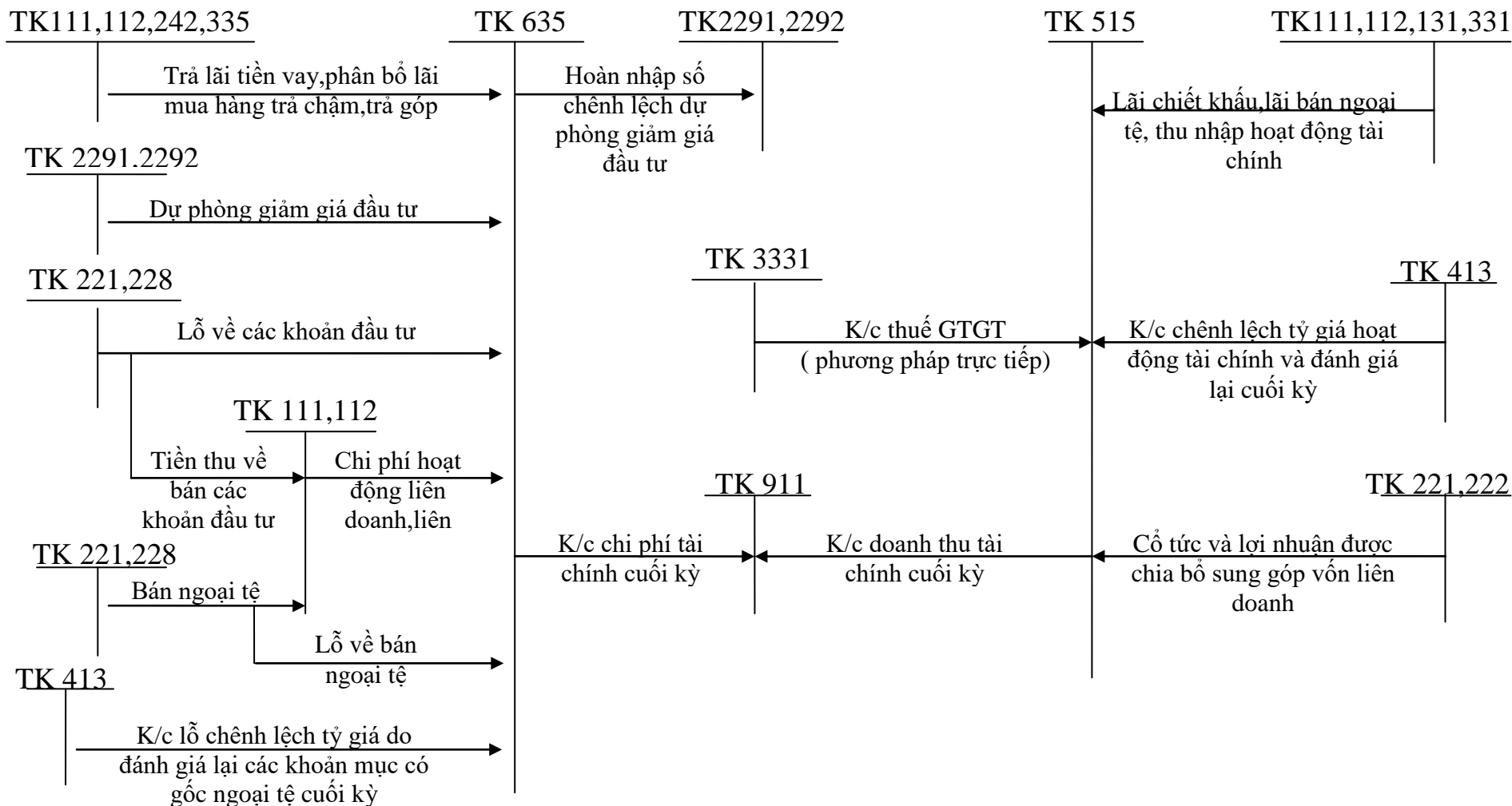
- + Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
- + Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước nhưng chưa sử dụng hết).
 - + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ Hóa đơn bán hàng.
- Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng.
- Quyết định thanh lý/ nhượng bán TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

***Tài khoản 711 - Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 711.

Bên Nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 811- Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 811.

Bên Nợ:

- + Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ

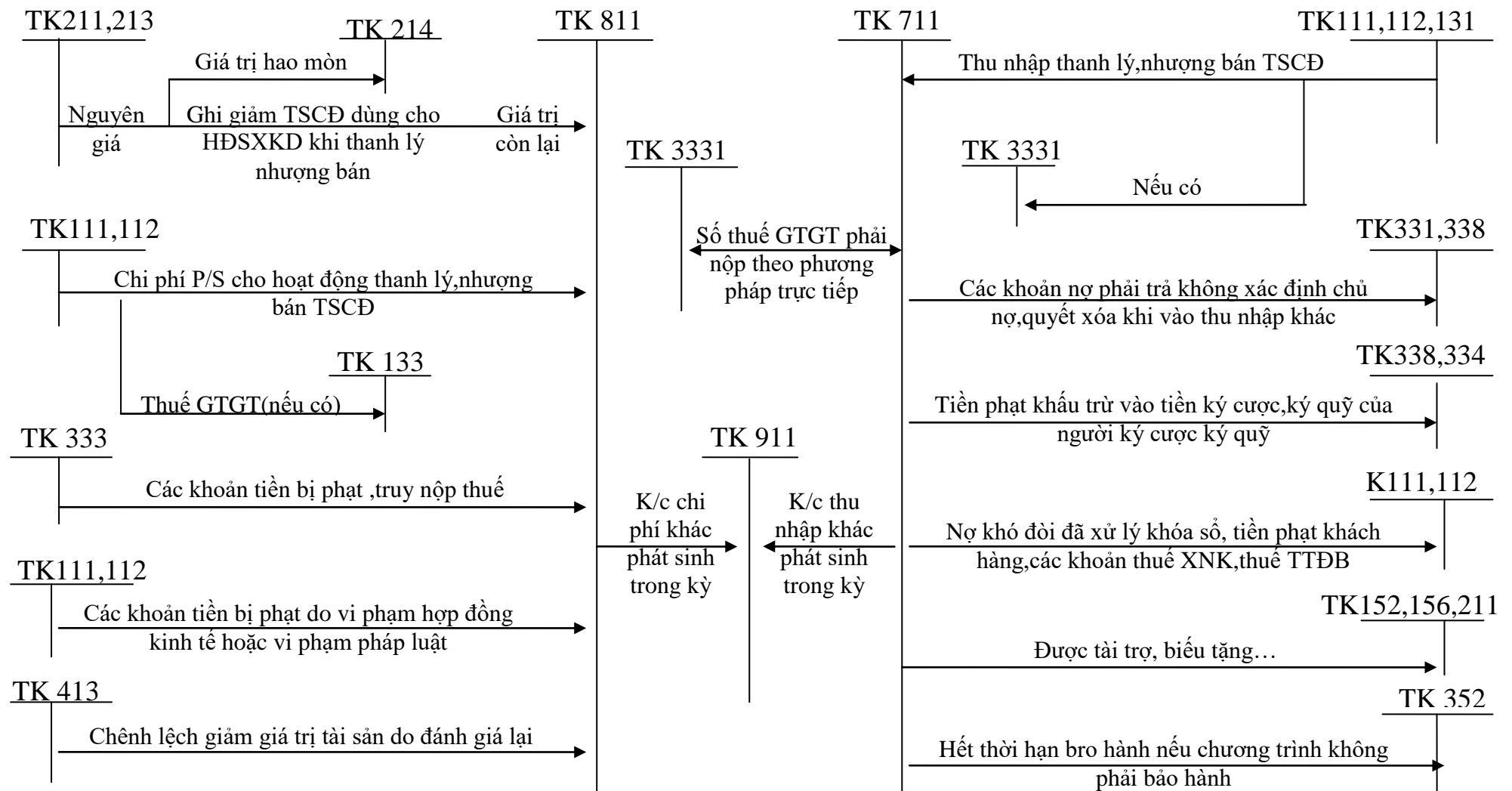
Bên Có:

+ Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6.



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh .**

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- + Chi phí quản lý kinh doanh.
- + Kết chuyển lãi (nếu có).

Bên Có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm giá chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lỗ (nếu có).

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu của TK 821.

Bên Nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Bên Có:

- + Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm.
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- + Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

***Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Kết cấu của TK 421.

Bên Nợ:

- +Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- +Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- +Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu.
- +Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Bên Có:

- +Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- +Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- +Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- + Tài khoản 421 có thể có số dư nợ hoặc số dư có:

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

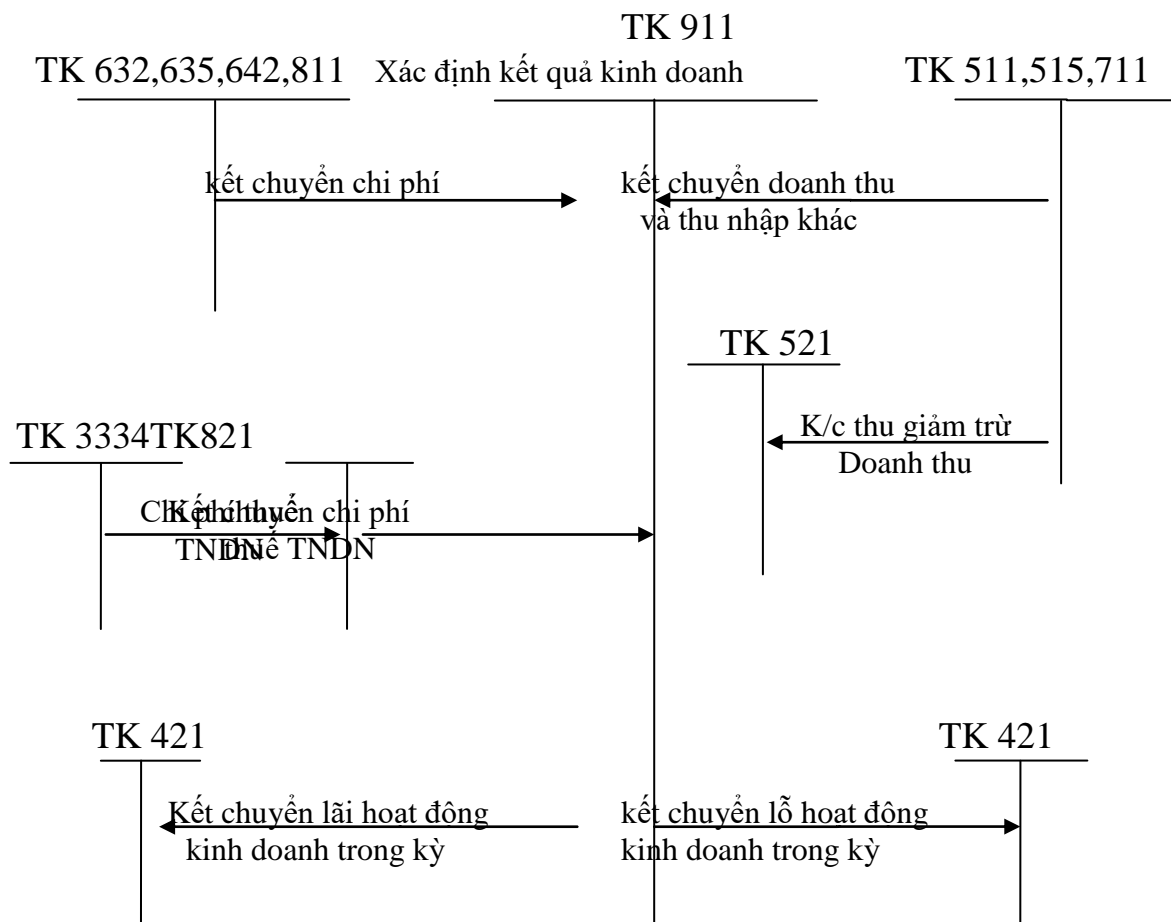
Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- +Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- +Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200/2014/TT-BTC.

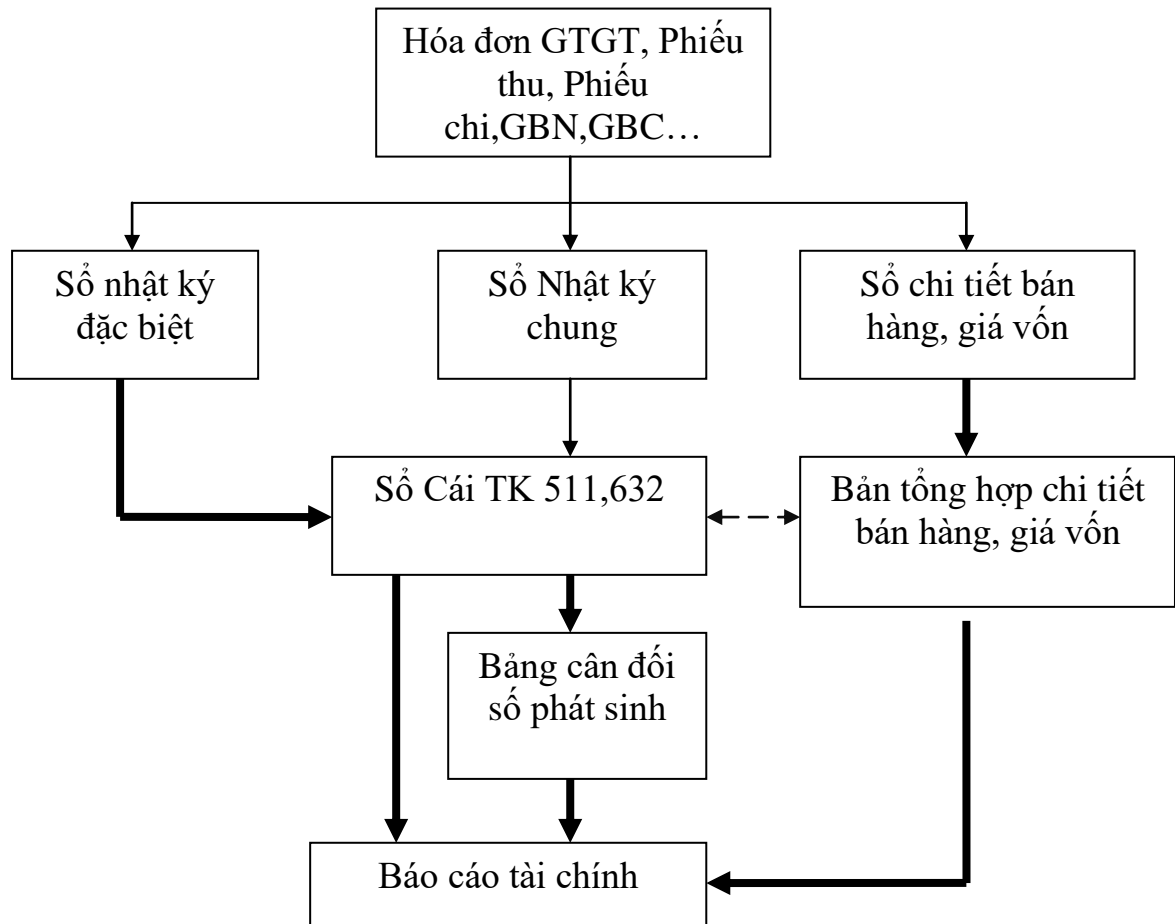
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200/2014/TT-BTC.

Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có thể tự xây dựng hệ thống sổ sách cho riêng mình. Tuy nhiên, trong trường hợp không tự xây dựng được các doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo TT 200/2014/TT-BTC gồm 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung,
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái,
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ,
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ,
- Hình thức kế toán Trên máy vi tính.

1.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua **sơ đồ 1.8**.



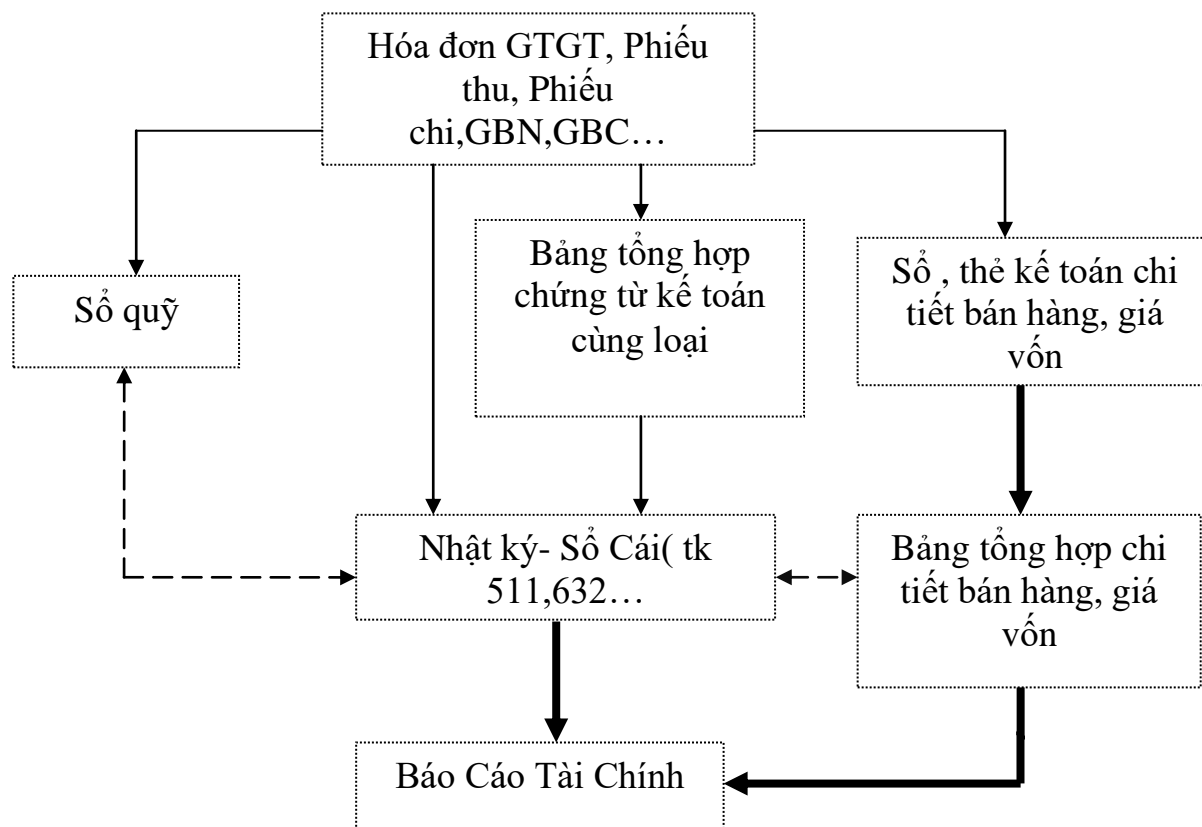
Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái.

*Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái được thể hiện qua **sơ đồ 1.9**.



Ghi chú

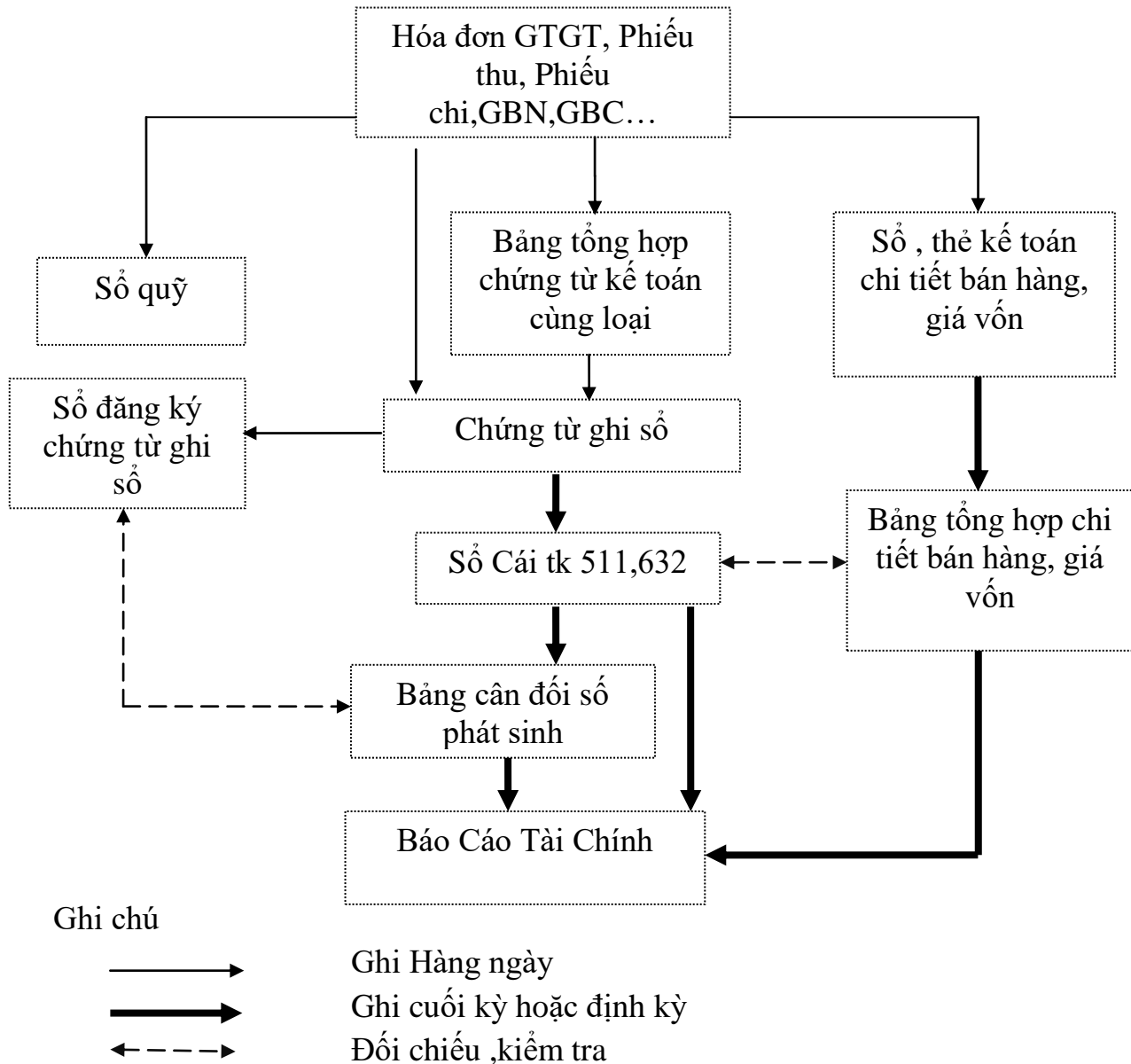
- > Ghi Hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ← - - - -> Đối chiếu ,kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

*Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua **sơ đồ 1.10**.



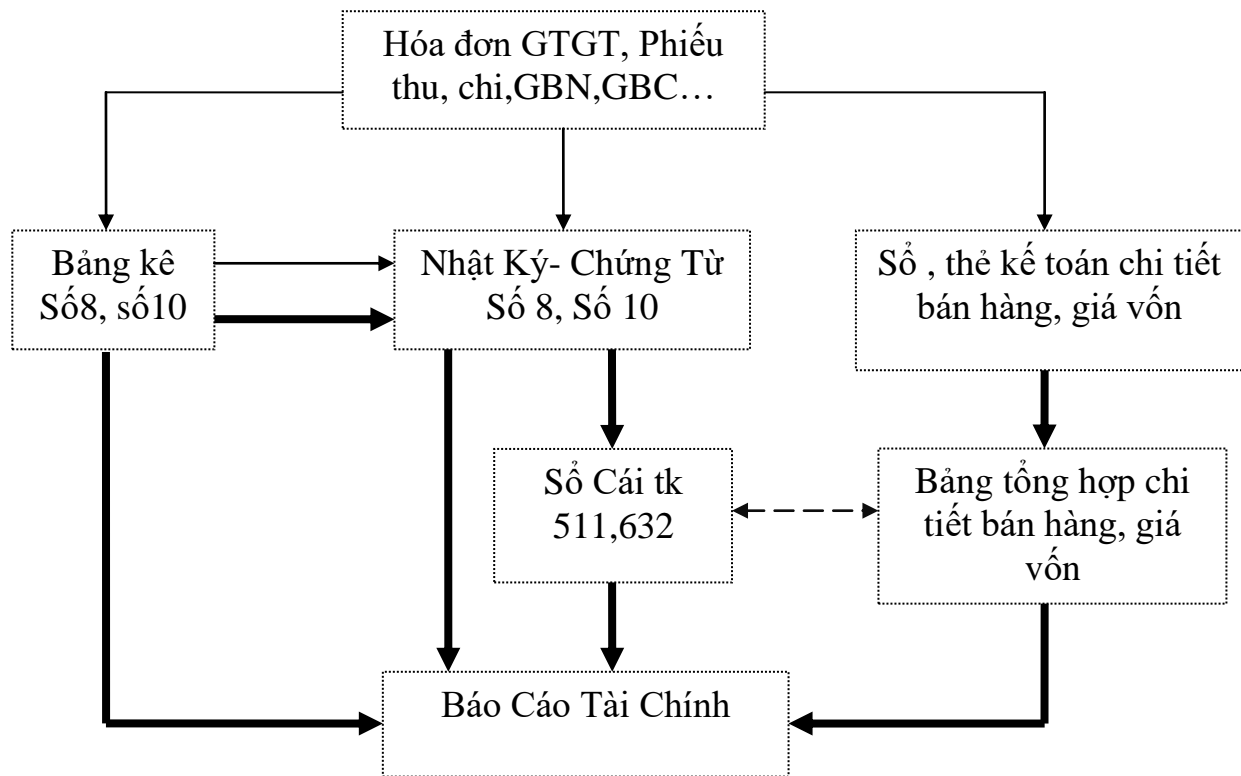
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
- + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

1.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - chứng từ.

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh hình thức Nhật ký- Chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.11.



Ghi chú

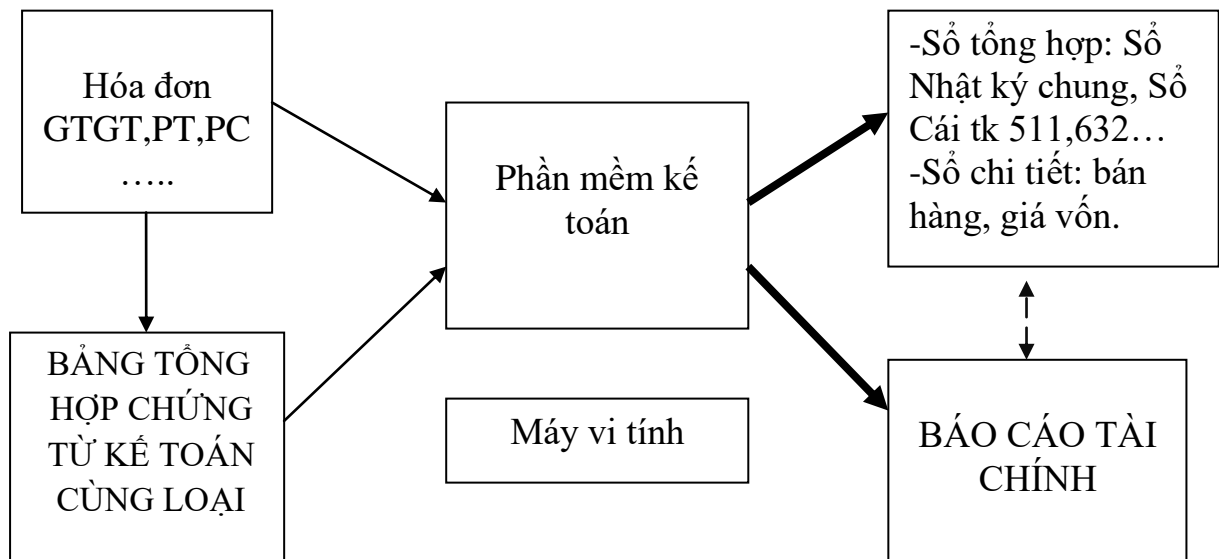
- Ghi Hàng ngày
- Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu ,kiểm tra

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký-chứng từ: Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.5. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức trên máy tính.

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy tính được thể hiện qua sơ đồ 1.12.



Ghi chú

- > Ghi Hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy trình.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG.

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.1.1. Thông tin chung về công ty

Đ/C: Số 525, Đường Hùng Vương , P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng , Việt Nam.

Tel: (0225) 3850665, 3850083

Fax: (0225) 3850241

EMAIL: baobihungvuong@hn.vnn.vn

Trang web: <http://hungvuonghvp.com/>

Người đại diện: ông Lê Hồng Văn- Giám đốc công ty

Mã số thuế: 0201900473

Công Ty Cổ Phần Bao Bì Hùng Vương - Đơn vị chuyên nghiệp trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, sản xuất & in ấn bao bì giấy đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 từ năm 1976. XN chúng tôi chuyên tư vấn, thiết kế, tạo hình và in ấn sản phẩm theo yêu cầu khách hàng. Sản xuất các sản phẩm bao bì carton sóng và hộp phẳng. In Offset, in Flexo, in Lụa trên các loại giấy và bao bì carton sóng. Nhận gia công các công đoạn sản xuất như tạo Sóng; Lăn; Chặt; Bồi; Bế; Cán màng; Chống thấm; Ghim; Dán; In.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương tiền thân là đơn vị thành viên của Công ty cổ phần bao bì Việt Nam- trực thuộc Bộ Thương Mại. Ngày 8 tháng 10 năm 1994 lấy tên là Xí nghiệp bao bì khu vực Hải Phòng, đến ngày 29/08/2018 chính thức tách ra và lấy tên là Công ty cổ phần Bao Bì Hùng Vương. Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương nằm trên diện tích đất sử dụng 16.000m², là một doanh nghiệp tồn tại và phát triển hơn 20 năm trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0201900473 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/08/2018.

Với phương châm “Chúng tôi mang đến lợi nhuận thông qua sự hấp dẫn của bao bì...”

Chúng tôi hiểu rằng mọi sự nỗ lực về chất lượng và bảo hành của chúng tôi sẽ luôn góp phần vào thành công trong tương lai của khách hàng. Dựa trên tiềm lực hiện có về cơ sở vật chất và con người, Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương tin rằng sẽ mang đến cho Quý khách hàng những dịch vụ tốt nhất để quảng cáo sản phẩm của Quý khách hàng một cách có hiệu quả nhất. Sự hài lòng của Quý khách hàng chính là sự thành công của chúng tôi.

2.1.3. Lĩnh vực kinh doanh của công ty

Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0201900473 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/08/2018 cấp phép quy định chức năng, nhiệm vụ ngành nghề kinh doanh của công ty như sau:

Sản xuất các loại bao bì sản phẩm theo tiêu chuẩn đã được kí kết khi đăng kí kinh doanh, các loại sản phẩm phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với yêu cầu của khách hàng khi tìm đến với công ty.

Ngoài ra từ 13/12/2019 công ty còn kinh doanh thêm một số dịch vụ :

✓ Dịch vụ cho thuê kho gửi hàng.

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ kho bãi, từ kho hàng tổng hợp, kho hàng cho chuỗi cung ứng, kho ngoại quan, kho khai thác hàng lẻ... phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng.

- Kho ngoại quan.
- Đóng gói và bao bì.
- Dịch vụ container.
- Lưu kho quá cảnh.
- Lưu kho hàng.

2.1.4. Đặc điểm sản phẩm của công ty

- Sản phẩm chính:

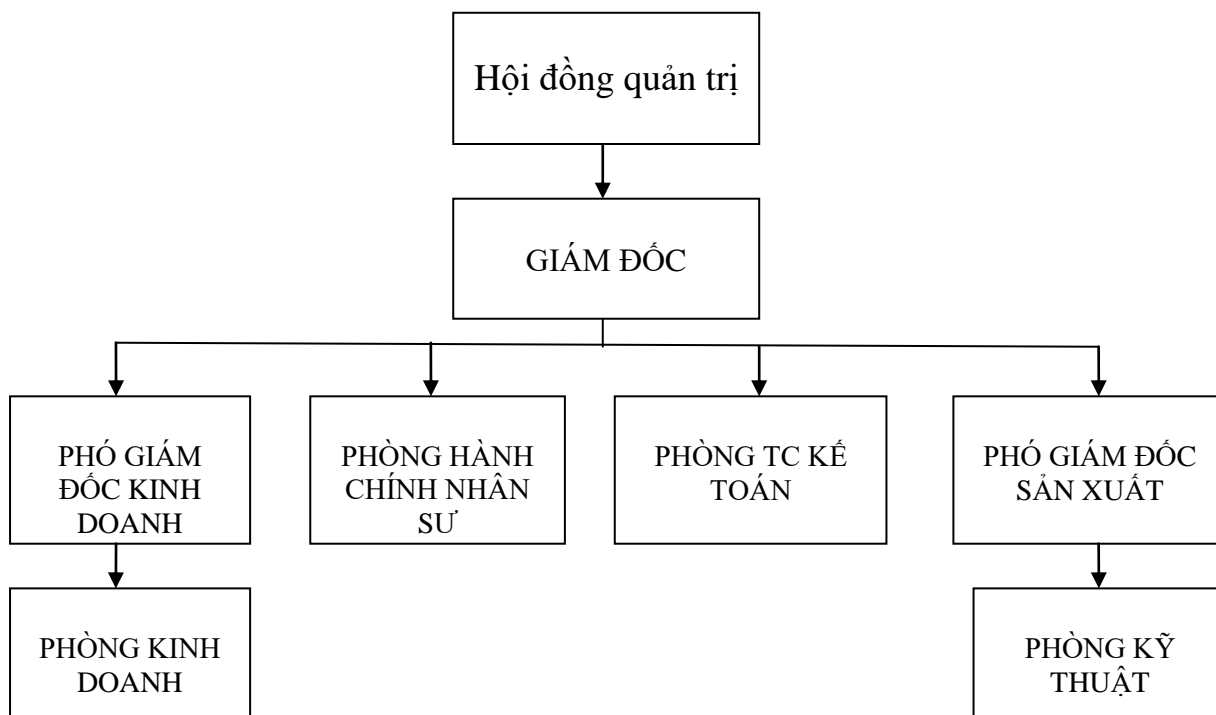
- + Thùng carton phục vụ cho đóng gói hàng hóa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu với kết cấu sóng A,B,AB,E từ 3, 5, 7 lớp.
- + Hộp giấy: Hộp bánh, hộp kẹo, hộp mứt

Danh mục sản phẩm:

Ứng dụng thùng carton	Thùng carton các loại	Bao bì giấy	Bao bì hộp giấy
Thùng Carton Y Tế	Thùng Carton 2 Lớp	Bao Bì Rượu	Hộp Mứt Tết
Thùng Carton Điện Tử	Thùng Carton 3 Lớp	Bao Bì Điện Tử	Hộp Chè Sen
Thùng Carton Thủy Sản	Thùng Carton 5 Lớp	Bao Bì Bánh Kẹo	Hộp Kẹo Fruit
Thùng Carton Ngành Gốm	Thùng Carton 7 Lớp	Bao Bì Khăn Giấy	Hộp Bánh Apples
Thùng Carton Thực Phẩm	Thùng Carton 1 Mặt	Bao Bì Nước Mắm	Hộp Kem Xốp
Thùng Carton Nước Khoáng	Thùng Carton 2 Mặt	Bao Bì Nước Mắm	Tổng Hợp
Thùng Carton Đựng Bánh Kẹo	Thùng Carton In Offset	Bao Bì Nước Khoáng	Hộp Kem Xốp
	Thùng Carton Sóng	Bao Bì Nước Khoáng	Khoai Môn
	Thùng Carton Sóng A	Bao Bì Khóa	
	Thùng Carton Sóng B	Bao Bì Khóa	
	Thùng Carton Sóng AB	Việt Tiếp	
	Thùng Carton Sóng E	Bao Bì Bánh Trung Thu	
	Thùng Carton Thường		

2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức Quản lý của công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp.

-**Hội đồng quản trị:** Quyết định các vấn đề liên quan đến giá cổ phần và trái phiếu được phát hành.Đưa ra các giải pháp phát triển hoạt động trung và ngắn hạn của công ty như: Chiến lược phát triển hàng năm, mở rộng thị trường, các hoạt động marketing, đổi mới công nghệ. Có quyền quyết định cơ cấu tổ chức công ty, bầu cử, miễn nhiệm, hoặc bãi nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với giám đốc hoặc tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định.....

- **Giám đốc công ty :** Ông Lê Hồng Văn- Là người đại diện của công ty trước pháp luật. Quản lý về tài chính, lao động, quản lý bộ máy tổ chức, quản lý hoạt động của toàn công ty. Đề ra các chính sách chiến lược, có trách nhiệm đảm bảo và duy trì nguồn lực trong công ty để thực hiện có hiệu quả hoạt động kinh doanh. Xem xét, kiểm tra, phê duyệt ban hành các hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng. Là người đưa ra các quyết định cuối cùng về toàn bộ hoạt động của công ty.

- **Phó Giám đốc sản xuất:** Ông Lê Trọng Cấp- Lập kế hoạch, tổ chức hoạt động sản xuất: Tổ chức hoạt động sản xuất, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, đảm bảo đạt mục tiêu về năng suất, giảm đến mức thấp nhất việc tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm trong toàn nhà máy. Tổ chức cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với định hướng mới của công ty nhằm giảm tỷ lệ sai sót, tăng hiệu quả sử dụng vật tư, máy móc, nhân lực. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra các ca SX, trong việc quản lý, theo dõi, sử dụng vật tư công nghệ, bao bì. Kiểm tra và điều chỉnh việc thực hiện các Lệnh sản xuất. Lập các báo cáo xin điều chỉnh tiến độ, kết thúc đơn hàng...

- **Phó Giám đốc kinh doanh:** Bà Lê Thị Thu - Phụ trách toàn bộ công tác tiếp thị, bán sản phẩm và quản lý đại lý. Giải quyết các khâu khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm của công ty cung cấp. Phụ trách đại diện của lãnh đạo về chất lượng của sản phẩm. Lập kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty phù hợp với ngân sách hoạt động, trình kế hoạch hàng năm cho Giám đốc Khối và Ban điều hành phê duyệt. Đánh giá tình hình thị trường bất động sản và đề xuất kế hoạch phát triển sản phẩm, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing phù hợp.

- **Phòng Hành chính Nhân sự:** Chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự...

- **Phòng tài chính kế toán:** Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty. Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, tổ chức công tác hạch toán kế toán, công tác thống kê và bộ máy kế toán thống kê theo Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, các quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kiểm tra và chủ trì xét duyệt quyết toán cho các đơn vị phụ thuộc. Thực hiện các báo cáo kế toán định kỳ của Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc theo quy định của Bộ tài chính và các văn bản pháp luật hiện hành. Báo cáo thống kê các vấn đề: sản xuất sản phẩm, sử dụng lao động, nguyên vật liệu, tiền lương...

- **Phòng Kinh doanh:** Tổ chức việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện việc tiếp cận thị trường mục tiêu và khách hàng. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động kinh doanh cũng như tính toán và lập báo cáo về giá thành sản phẩm, dịch vụ, để có căn cứ ký hợp đồng với khách hàng. Cung cấp thông

tin, tài liệu và đảm nhận việc biên phiên dịch các tài liệu cho Ban Giám đốc. Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện các kế hoạch, chiến lược kinh doanh của các bộ phận khác... Thực hiện các lệnh sản xuất, đề xuất chiến lược marketing, việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về tất cả các hoạt động phát triển kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ đã được giao.

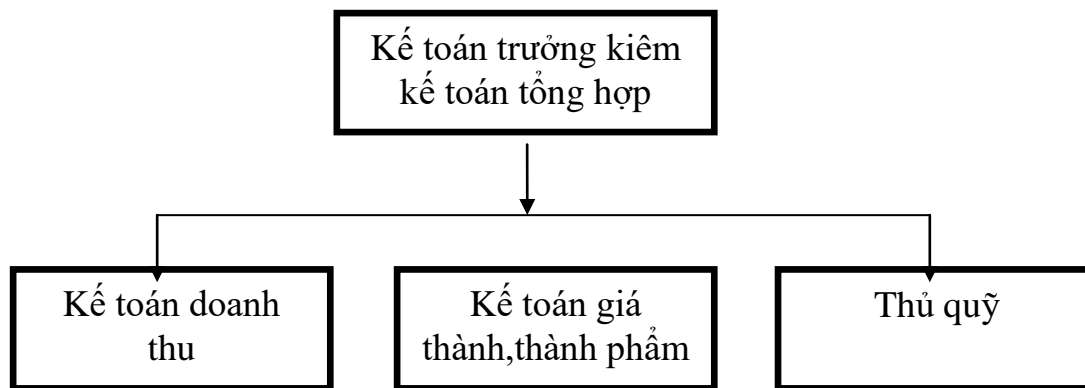
-Phòng kỹ thuật: Quản lý, điều hành và kiểm tra những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất, kế hoạch, an toàn lao động, chất lượng và các dự án của côngchữa, bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty. Xác định các loại phương tiện, máy móc, nguồn lực cần thiết phù hợp kế hoạch sản xuất. Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường cũng như các vấn đề về máy móc thiết bị sử dụng trong sản xuất sản phẩm.

2.1.6.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

2.1.6.1Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án đáng giá đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thể hiện qua **sơ đồ 2.2.**



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Trong phòng Kế toán - Tài chính, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài tài khoản có liên quan tới phần hành của mình. Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu...

Nhiệm vụ của các bộ phận kế toán được khái quát như sau :

- Kế toán trưởng: Tham mưu cho Giám đốc công ty toàn bộ các vấn đề có liên quan đến hoạt động của phòng.

+ Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác kế toán của các phần hành đảm bảo đúng theo các quy định của chế độ tài chính kế toán.

+ Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tài chính kế toán tại đơn vị.

+ Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của luật.

+ Lập các báo cáo kế toán.

- Kế toán doanh thu: Nhiệm vụ của bộ phận này là thực hiện các báo cáo bán hàng, doanh thu hay lập các phiếu doanh thu; làm báo cáo về các khoản giảm trừ doanh thu, kiểm tra số lượng hàng hóa, doanh thu bán hàng và cập nhật cho kế toán trưởng, lưu trữ các hóa đơn bán hàng và so sánh với hóa đơn sử dụng trước đó...

- Kế toán giá thành, thành phẩm: Tập hợp các chi phí sản xuất chung (chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ trả trước, chi phí nguyên vật liệu, chi phí điện, nước, chi phí dịch vụ mua ngoài...), chi phí tiền lương tập hợp chung hoặc phân loại cho từng đơn hàng, công đoạn - làm cơ sở để tính giá thành sản phẩm.

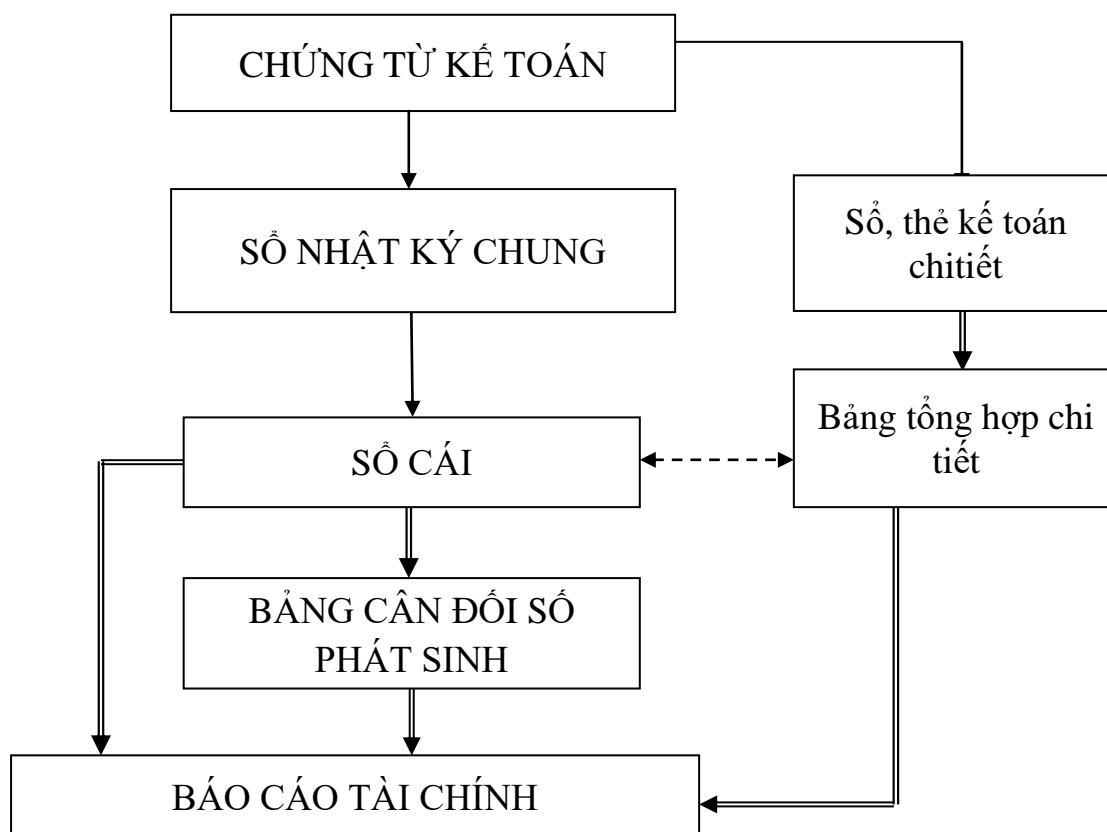
Dựa trên các khoản chi phí cấu thành để tính: giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế. Kiểm soát các loại giá thành cho từng sản phẩm theo từng đơn hàng sản xuất. Thực hiện việc điều chỉnh giá thành theo biến động chi phí. Cuối kỳ lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- **Thủ quỹ:** Quản lý các khoản tiền mặt của công ty, chịu trách nhiệm quản lý, xuất, nhập quỹ tiền mặt và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.6.2. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty.

- Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh và đặc điểm quản lý, hiện nay công ty cổ phần bao bì Hùng Vương đang áp dụng hình thức sổ kế toán “**Nhật ký chung**”.

Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương được thể hiện qua **sơ đồ 2.3**:



Ghi chú

- Ghi Hàng ngày
- Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+Sổ Nhật ký chung.

+Sổ Cái.

+Các sổ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

+Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

+Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

+Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

+Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.1.6.3 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công Cổ phần bao bì Hùng Vương.

-Chế độ kế toán áp dụng tại công ty theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

-Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

-Khấu hao TSCĐ theo: phương pháp đường thẳng.

Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp: bình quân gia quyền liên hoàn

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

-Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Trong năm 2020, tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT3/003)
- +Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hóa đơn.
- +Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- +Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu (mẫu số 01-TT), giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131, ...
- Sổ cái TK 511.

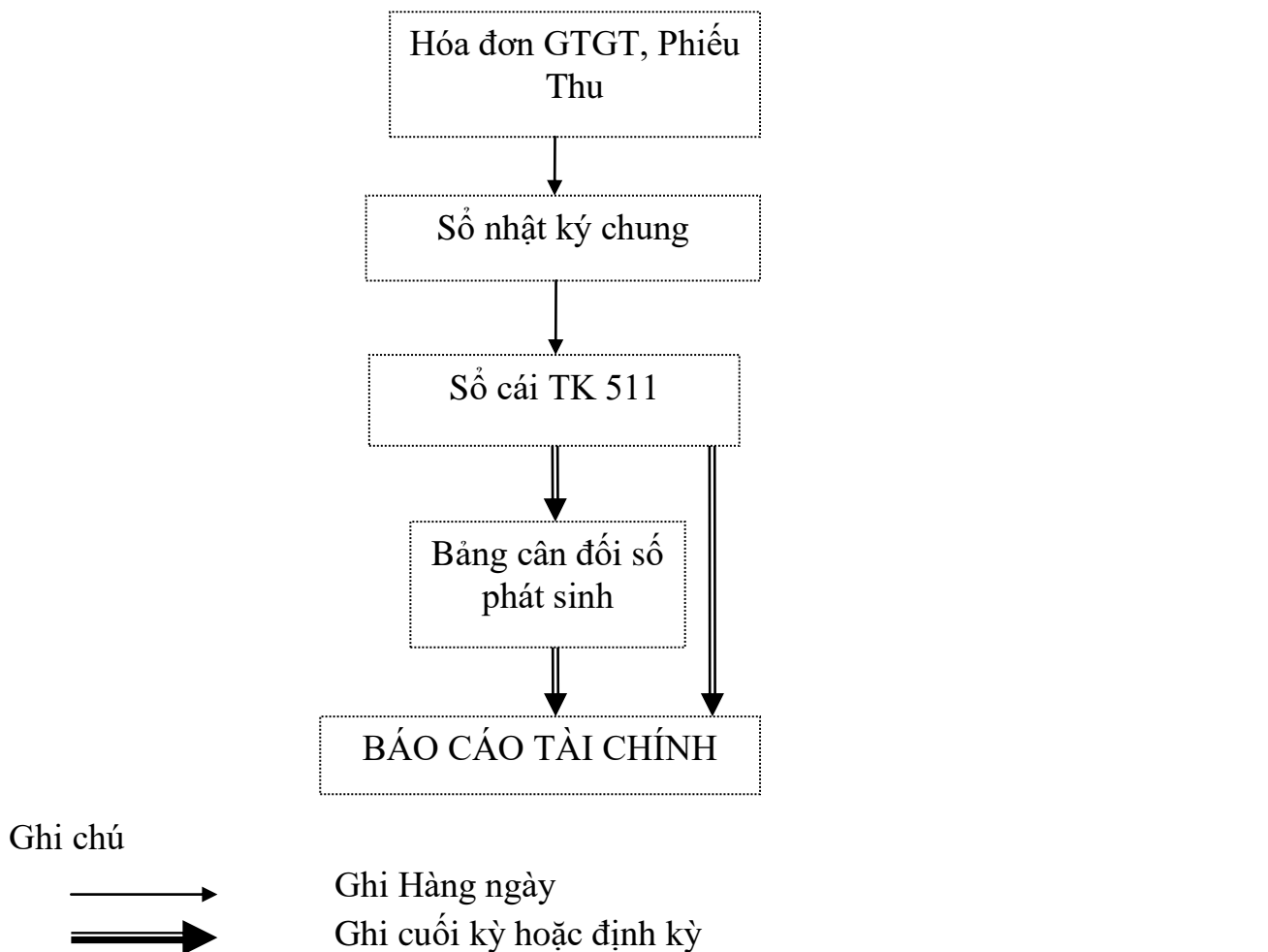
2.2.1.3. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái tài khoản 511 và các tài khoản liên quan.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP bao bì Hùng Vương được thể hiện qua sơ đồ 2.4:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.1.4. Ví dụ minh họa về kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Ví dụ 1: Ngày 07/12/2020, Công ty bán 550 hộp giấy keo cho Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên đơn giá 23.500đ /hộp (chưa bao gồm thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1088 (**biểu 2.1**) và phiếu thu số PT638 (**biểu 2.2**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**biểu 2.5**). Căn cứ sổ Nhật ký chung, Kế toán ghi sổ cái TK 511 (**biểu 2.6**) và các sổ cái khác có liên quan.

Ví dụ 2: Ngày 09/12/2020, Công ty Cổ phần giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh mua 700 thùng Carton 5 lớp theo HĐ0001090, giá bán (chưa VAT 10%) 27.400đ/ thùng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào HĐ số 0001090 (**biểu 2.3**), Giấy báo có GBC000465 (**biểu 2.4**). Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**biểu 2.5**), sổ cái TK 511(**biểu 2.6**) và các sổ cái khác có liên quan.

Biểu 2.1 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001088

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/003		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 07 tháng 12 năm 2020			Số: 0001088		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG					
Mã số thuế: 0201900473					
Địa chỉ: Số 525 Đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0225.3850785					
Số tài khoản: 118000068710-Ngân hàng Vietinbank					
Họ tên người mua hàng: Lê Văn An					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG NGUYỄN					
Mã số thuế: 0200731945					
Địa chỉ: Số 673 đường 5/2, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: 2460176750994-MB Bank					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6= 4 x 5
1	Hộp giấy kẹo	Hộp	550	23.500	12.925.000
Cộng tiền hàng:					12.925.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.292.500
Tổng cộng thanh toán					14.217.500
Số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.2 Phiếu thu số PT638

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525, đường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT
 (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
 Ngày 07 tháng 12 năm 2020

Quyển số:
 Số 638
 Nợ TK 111: 14.217.500
 Có TK 511: 12.925.000
 Có TK 3331: 1.292.500

Họ và tên người nộp tiền: Lê Văn An
 Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên
 Lý do nộp: Thanh toán tiền Hóa đơn GTGT 1088
 Số tiền: 14.217.500

(Viết bằng chữ): Mười bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng./
 Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2020

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)


(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.3 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001090

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/003		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 09 tháng 12 năm 2020			Số: 0001090		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG					
Mã số thuế: 0201900473					
Địa chỉ: Số 525 Đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0225.3850785					
Số tài khoản: 108000068710-Ngân hàng Vietinbank					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Trọng Cường					
Tên đơn vị: Công Ty Cổ phần giấy và dịch vụ Thương mại Nhật Minh					
Mã số thuế: 0105853728					
Địa chỉ: Số 8 Đường Khương Đình, P Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
Số tài khoản: 19034665924443-Techcom Bank					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6= 4 x 5
1	Thùng carton 5 lớp	Thùng	700	27.400	19.180.000
Cộng tiền hàng:					19.180.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.918.000
Tổng cộng thanh toán					21.098.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.4 Giấy báo có số GBC465

 VietinBank NH TMCP Công thương CN Hải Phòng	GIẤY BÁO CÓ Số: 465 Ngày 09 tháng 12 năm 2020	Mã GDV: BTTA Số GD: 00238 Giờ: 16:25:02
Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG Mã số thuế: 0201900473		
Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 108000068710		
Số tiền bằng số: 21.098.000		
Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn./		
Nội dung: Công ty Cổ phần giấy và dịch vụ Thương mại Nhật Minhthanh toán tiền hàng .		
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.5 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: 03a-DN

Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTCngày22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
07/12	HĐ GTGT 1088 PT 638	07/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyên	111	14.217.500	
				511		12.925.000
				3331		1.292.500
07/12	PXK 279	07/12	Giá vốn hàng bán	632	10.516.550	
				155		10.516.550
....
09/12	HĐGTGT 1090 GBC 465	09/12	Bán hàng cho công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh	112	21.098.000	
				511		19.180.000
				3331		1.918.000
09/12	PXK 282	09/12	Giá vốn hàng bán	632	16.412.900	
				155		16.412.900
10/12	HĐ GTGT 1090 PC462	10/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận BH	641	1.290.000	
				133	129.000	
				111		1.419.000
10/12	HĐ GTGT 1092 PC468	10/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT T11/2020	642	1.062.127	
				133	106.213	
				111		1.138.340
....
25/12	GBC 485	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Viettinbank	112	22.350	
				515		22.350
....
			Tổng cộng phát sinh		140.598.443.000	140.598.443.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tênđóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.6 Sổ Cái TK 511(Trích sổ Cái TK 511)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương
 Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
 Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư
 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số hiệu: **511**

Năm **2020**

Đơn vị tính: **đồng**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
....
03/12	HĐGTGT 1086 PT 632	03/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty CPTM Cát Linh	111		12.250.000
....
07/12	HĐGTGT 1088 PT 638	07/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyên	111		12.925.000
....
09/12	HĐGTGT 1090 GBC 465	09/12	Bán 700 thùng Carton cho công ty CP giấy và DVTM Nhật Minh	112		19.180.000
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	17.745.935.153	
			Cộng phát sinh		17.745.935.153	17.745.935.153
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

2.2.2. Thực trạng công tác Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT(**Mẫu số 01GTKT3/003**).
- Phiếu xuất kho(**Mẫu số 02-VT**).
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản liên quan: TK 155.

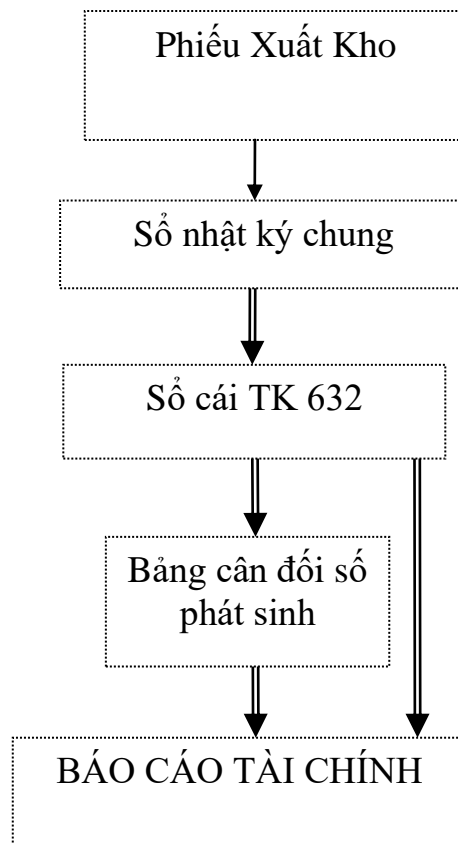
2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái tài khoản 632 và các tài khoản liên quan.

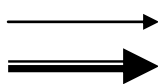
Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.5:



Ghi chú



→ Ghi Hàng ngày
 ==> Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.2.4. Ví dụ minh họa về kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Ví dụ 3 (tiếp theo ví dụ 1): Ngày 07/12/2020, Công ty bán 550 hộp giấy kẹo cho Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên đơn giá 23.500đ /hộp (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐGTGT 0001088, kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi tiến hành lập phiếu xuất kho số P XK279 (**biểu 2.7**). Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (**biểu 2.9**). Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ Cái TK 632 (**biểu 2.10**) và các Sổ cái TK có liên quan khác.

Ví dụ 4(tiếp theo ví dụ 2): Ngày 09/12/2020, Công ty Cổ phần giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh mua 700 thùng Carton 5 lớp theo HĐ0001090, giá bán 27.400đ/thùng(chưa bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào HĐGTGT 0001090, kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi tiến hành lập phiếu xuất kho số P XK282(**biểu 2.8**). Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (**biểu 2.9**). Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ Cái TK 632 (**biểu 2.10**) và các sổ cái TK có liên quan khác.

*** Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, Công ty tính giá xuất kho theo công thức như sau:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Hộp Giấy Kẹp:

Tồn đầu kỳ tháng 12: 3000 hộp đơn giá: 19.121đ/hộp.

-Ngày 07 tháng 12, Công ty xuất bán số lượng: 550 hộp theo phiếu xuất 279.

→ Do ngày 01 đến ngày 07 chưa có lần nhập trong kỳ nên đơn giá xuất kho là đơn giá tồn đầu kỳ: 19.121đ/ hộp

□ Trị giá xuất kho 07/12/2020 của hộp giấy kẹp là :

$$= 550 \times 19.121 = 10.516.550đ$$

Thùng Carton 5 lớp:

-Tồn đầu kỳ: 2700 thùng đơn giá 23.447đ/ thùng

-Ngày 09 tháng 12, Công ty xuất bán số lượng: 700 thùng theo phiếu xuất 282

→ Do ngày 01 đến ngày 09 chưa có lần nhập trong kỳ nên đơn giá xuất kho là đơn giá tồn đầu kỳ: 23.447đ/ thùng

□ Trị giá xuất kho 09/12/2020 của thùng Carton 5 lớp là :

$$= 700 \times 23.447 = 16.412.900đ$$

Biểu 2.7 Phiếu xuất kho số P XK279

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2020

Số: 279

Nợ 632: 10.516.550

Có 155: 10.516.550

Họ và tên người nhận hàng: Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên

Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên

Xuất tại kho: kho thành phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Hộp giấy kẹo	Hộp	550	550	19.121	10.516.550
	Tổng tiền	x	550	550	x	10.516.550

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng/.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2020

Người lập phiếu
(ký, ghi họ tên)

Người nhận hàng
(ký, ghi họ tên)

Thủ kho
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.8 Phiếu xuất kho số P XK282

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2020

Nợ 632: 16.412.900

Số: 282

Có 155: 16.412.900

Họ và tên người nhận hàng: Công ty cổ phần giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh

Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty cổ phần giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh

Xuất tại kho: kho thành phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Thùng carton 5 lớp	thùng	700	700	23.447	16.412.900
	Tổng tiền	x	700	700	x	16.412.900

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn chín trăm đồng /.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 12 năm 2020

Người lập phiếu
(ký, ghi họ tên)

Người nhận hàng
(ký, ghi họ tên)

Thủ kho
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.9 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: 03a-DN

Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương

(Ban hành theo Thông tư

Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

200/2014/TT-BTCngày22/12/2014

của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
07/12	HĐ GTGT 1088 PT 638	07/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyên	111 511 3331	14.217.500	12.925.000 1.292.500
07/12	PXK 279	07/12	Gía vốn hàng bán	632 155	10.516.550	10.516.550
....
09/12	HĐ GTGT 1090 GBC 465	09/12	Bán hàng cho công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh	112 511 3331	21.098.000	19.180.000 1.918.000
09/12	PXK 282	09/12	Gía vốn hàng bán	632 155	16.412.900	16.412.900
10/12	HĐ GTGT 1090 PC462	10/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận BH	641 133 111	1.290.000 129.000	1.419.000
10/12	HĐ GTGT 1092 PC468	10/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT T11/2020	642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
....
25/12	GBC 485	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Viettinbank	112 515	22.350	22.350
....
			Tổng cộng phát sinh		140.598.443.000	140.598.443.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.10 Sổ Cái TK 632(Trích Sổ Cái TK 632)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
....
03/12	PXK276	03/12	Giá vốn hàng bán hộp giấy kẹo cho công ty CPTM Cát Linh	155	9.560.500	
....
07/12	PXK279	07/12	Giá vốn hàng bán hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyễn	155	10.516.550	
....
09/12	PXK282	09/12	Giá vốn hàng bán thùng carton cho công ty CP giấy và DVTM Nhật Minh	155	16.412.900	
....
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911		13.659.264.677
			Cộng phát sinh		13.659.264.677	13.659.264.677
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT(**Mẫu số 01GTKT3**).
- Phiếu chi(**Mẫu số 02- TT**).
- Giấy báo Nợ.
- Các chứng từ có liên quan khác.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty.

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- TK 641 : Chi phí bán hàng.
- Các tài khoản liên quan: TK 111,112,131....

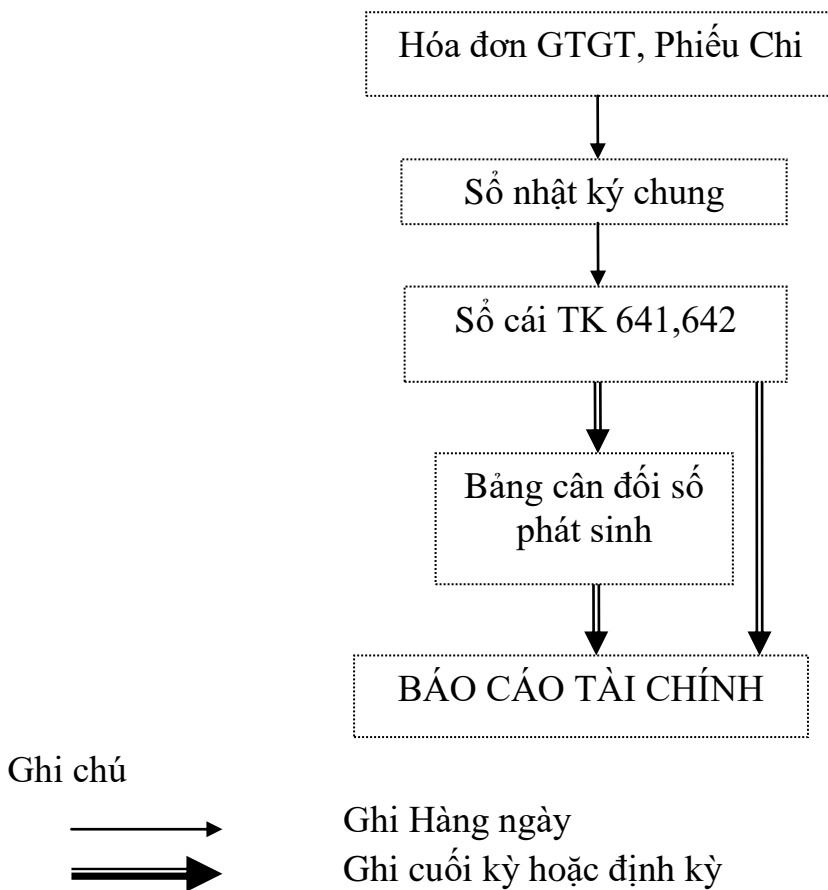
2.2.3.3 Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty.

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái vào các tài khoản 641,642 và các tài khoản liên quan.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng và chi phí quản lý Doanh nghiệp tại công ty CP bao bì Hùng Vương được thể hiện qua **sơ đồ 2.6**:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí Bán hàng và chi phí Quản lý Doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa về kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý Doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Ví dụ 5 : Ngày 10/12/2020, công ty mua văn phòng phẩm của công ty CP văn phòng phẩm Bạch Đằng cho bộ phận bán hàng với số tiền là: 1.419.000 đ (bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0001090 (**biểu 2.11**), kế toán lập phiếu chi số PC462 (**biểu 2.12**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu 2.15**). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 641 (**biểu 2.16**) và các tài khoản có liên quan.

Ví dụ 6: Ngày 10/12/2020, công ty thanh toán cước tiền mạng internet tháng 11/2020 : 1.138.340 đ (bao gồm thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0001092 (**biểu 2.13**), kế toán lập phiếu chi số PC468 (**biểu 2.14**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu 2.15**). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (**biểu 2.17**) và các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.11 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001090

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/003			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: AA/20P			
Ngày 10 tháng 12 năm 2020		Số: 0001090			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VĂN PHÒNG PHẨM BẠCH ĐẰNG Mã số thuế: 0201742756 Địa chỉ: Số 433 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 02253261346 Số tài khoản: 32110000433678-Ngân hàng BIDV Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Quốc Huy Tên đơn vị: CÔNG TY CP BAO BÌ HÙNG VƯƠNG Mã số thuế: 0201900473 Địa chỉ: Số 525 Đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: 108000068710-Ngân hàng Vietinbank					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6= 4 x 5
1	Giấy in khổ A4	thùng	10	75.000	750.000
2	Bút Xóa dạ quang HL03	cái	30	18.000	540.000
Cộng tiền hàng:					1.290.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		129.000	
Tổng cộng thanh toán					1.419.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng/.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					


(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.12 Phiếu Chi số PC462

<p>Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương Q. Hồng Bàng, Hải Phòng</p>	<p>Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</p>			
<p>PHIẾU CHI</p> <p>Ngày 10 tháng 12 năm 2020</p> <p>Số : PC462</p>				
<p>Quyền số:.....</p> <p>Số: PC 462</p> <p>Nợ 641: 1.290.000</p> <p>133: 129.000</p> <p>Có 111: 1.419.000</p>				
<p>Họ tên người nhận tiền: Phạm Thị Hằng Địa chỉ: Phòng kế toán Lý do : trả tiền theo hóa đơn GTGT0001090 Số tiền: 1.419.000 (Viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng chẵn./) Kèm theo:.....01..... Chứng từ gốc:.....</p>				
<p><i>Ngày 10 tháng 12 năm 2020</i></p>				
<p>Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p>Kế toán (Ký, họ tên)</p>	<p>Người nhận tiền (Ký, họ tên)</p>	<p>Người lập phiếu (Ký, họ tên)</p>	<p>Thủ quỹ (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng chẵn./</p> <p>+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):</p> <p>+ Số tiền quy đổi:</p>				

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.13 Hóa đơn GTGT số 0001092

	<p>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu (Serial No): AD/18E Số (No): 2977018 16092612112018</p>			
<p>Mã số thuế: 0200287977-022 Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương Địa chỉ (Address): Số 525, Đương Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Số điện thoại (Tel): 0253850083 Mã số (code): HPG-16-092612 (T5DG4) Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK MST: 0201900473</p>					
STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	Kỳ cước tháng: 11/2020	3	4	5	6=4*5
	-Cước dịch vụ viễn thông				1.062.127
	-Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	-Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	-Khuyến mại				0
	-Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) =					Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2): 106.213
(1 + 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1 + 2):					1.138.340
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng					

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 10 tháng 12 năm 2020
 Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.14 Phiếu Chi số PC468

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 02 -TT

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2020

Số : **PC468**

Quyển số:.....

Số: **PC 468**

Nợ 641: 1.062.127

133: 106.213

Có 111: 1.138.340

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thị Hằng

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do : trả tiền theo hóa đơn GTGT0001092

Số tiền: 1.138.340

(Viết bằng chữ: Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./)

Kèm theo:.....01..... Chứng từ gốc:.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2020

Giám đốc Kế toán Người nhận tiền

(Ký, họ tên, (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)
đóng dấu)

Người lập phiếu Thủ quỹ

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.15 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTCngày22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
07/12	HĐ GTGT 1088 PT 638	07/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyên	111 511 3331	14.217.500	12.925.000 1.292.500
07/12	PXK 279	07/12	Gía vốn hàng bán	632 155	10.516.550	10.516.550
....
09/12	HĐ GTGT 1090 GBC 465	09/12	Bán hàng cho công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh	112 511 3331	21.098.000	19.180.000 1.918.000
09/12	PXK 282	09/12	Gía vốn hàng bán	632 155	16.412.900	16.412.900
10/12	HĐ GTGT 1090 PC462	10/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận BH	641 133 111	1.290.000 129.000	1.419.000
10/12	HĐ GTGT 1092 PC468	10/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT T11/2020	642 133 111	1.062.127 106.213	1.138.340
....
25/12	GBC 485	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Viettinbank	112 515	22.350	22.350
....
			Tổng cộng phát sinh		140.598.443.000	140.598.443.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tênđóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.16 Sổ Cái tài khoản 641

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
....
03/12	PC 448	03/12	Chi tiền mặt vận chuyển thành phẩm đem bán	111	2.151.364	
....
08/12	HĐ GTGT 1089 PC459	08/12	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm	111	764.863	
....
10/12	HĐ GTGT 1090 PC462	10/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận BH	111	1.290.000	
....
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911		700.943.072
			Cộng phát sinh		700.943.072	700.943.072
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.17 Sổ Cái tài khoản 642

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý Doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
....
06/12	HĐ GTGT 1087 PC453	06/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	111	8.543.973	
....
10/12	HĐ GTGT 1092 PC468	10/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT T11/2020	111	1.062.127	
....
22/12	HĐ GTGT 1098 PC479	22/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận QLDN	111	11.624.083	
....
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển Chi phí quản lý Doanh nghiệp	911		1.422.281.952
			Cộng phát sinh		1.422.281.952	1.422.281.952
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Trong năm 2020, công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương không phát sinh các chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo có, giấy báo nợ ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Các tài khoản có liên quan: 112.

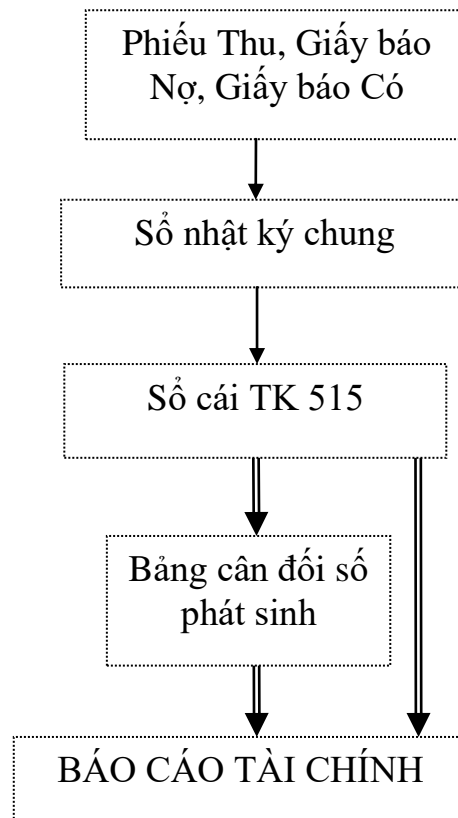
2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty.

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái vào các tài khoản 515 và các tài khoản liên quan.

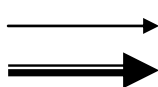
Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP bao bì Hùng Vương được thể hiện qua sơ đồ 2.7:



Ghi chú



→ Ghi Hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ


Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.4.4. Ví dụ minh họa về kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Ví dụ 7: Ngày 25/12/2020 nhận được giấy báo Có của ngân hàng Vietinbank về lãi tiền gửi tháng 12 được hưởng là 22.350đ.

Căn cứ vào Giấy báo có số GBC485 (**biểu 2.18**), Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung (**biểu 2.19**). Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 515 (**biểu 2.20**) và các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.18 Giấy báo Có số GBC485

 VietinBank. NH TMCP Công thương CN Hải Phòng	GIẤY BÁO CÓ Số: 485 Ngày 25 tháng 12 năm 2020	Mã GDV: BTTA Số GD: 00267 Giờ: 15:28:02
Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG Mã số thuế: 0201900473 Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Có: 108000068710 Số tiền bằng số: 22.350 Số tiền bằng chữ: hai mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng./ Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 12 năm 2020.		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu 2.19 Sổ Nhật ký chung(Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Mẫu số: 03a-DN

Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương

(Ban hành theo Thông tư

Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

200/2014/TT-BTCngày22/12/2014

của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
07/12	HĐ GTGT 1088 PT 638	07/12	Bán hàng hộp giấy kẹo cho công ty TNHH Hùng Nguyên	111	14.217.500	
				511		12.925.000
				3331		1.292.500
07/12	P XK 279	07/12	Giá vốn hàng bán	632	10.516.550	
				155		10.516.550
....
09/12	HĐ GTGT 1090 GBC 465	09/12	Bán hàng cho công ty CP giấy và dịch vụ thương mại Nhật Minh	112	21.098.000	
				511		19.180.000
				3331		1.918.000
09/12	P XK 282	09/12	Giá vốn hàng bán	632	16.412.900	
				155		16.412.900
10/12	HĐ GTGT 1090 PC462	10/12	Thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bộ phận BH	641	1.290.000	
				133	129.000	
				111		1.419.000
10/12	HĐ GTGT 1092 PC468	10/12	Thanh toán tiền mạng Internet VNPT T11/2020	642	1.062.127	
				133	106.213	
				111		1.138.340
....
25/12	GBC 485	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Viettinbank	112	22.350	
				515		22.350
....
			Tổng cộng phát sinh		140.598.443.000	140.598.443.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.20 Sổ Cái tài khoản 515

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: **Doanh thu hoạt động tài chính**

Số hiệu: **515**

Năm **2020**

Đơn vị tính: **đồng**

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
....
25/07	GBC 365	25/07	Thu tiền lãi ngân hàng Vietinbank T07	112		23.445
....
25/08	GBC 376	25/08	Thu tiền lãi ngân hàng Vietinbank T08	112		24.626
....
25/11	GBC 438	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Vietinbank T11	112		21.220
....
25/12	GBC 485	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng Vietinbank T12	112		22.350
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.762.855	
			Cộng phát sinh		2.762.855	2.762.855
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

2.2.5. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty.

- Phiếu kế toán.

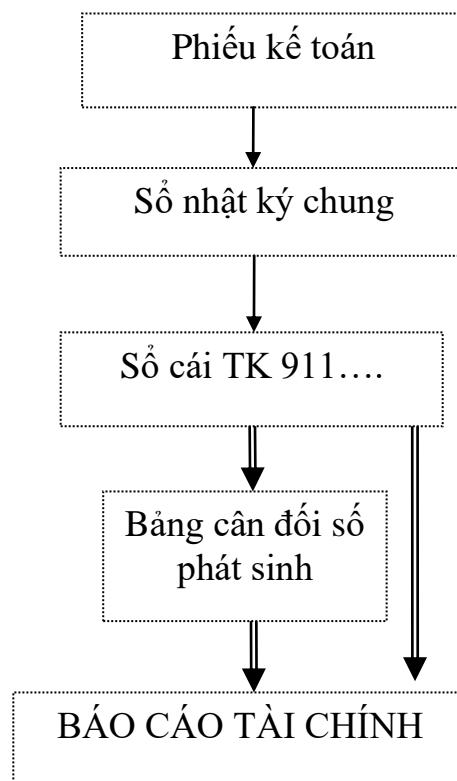
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty.

-TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

-Các TK liên quan: TK 821,421,...

2.2.5.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP bao bì Hùng Vương được thể hiện qua sơ đồ sau: (**sơ đồ 2.8**):



Ghi chú

- Ghi Hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản : TK 911, 821, 421 .Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 8 : Ngày 31/12/2020 : kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển cuối năm 2020 và xác định kết quả kinh doanh.

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 17.745.935.153

-Giá vốn hàng bán: 13.659.264.677

-Doanh thu hoạt động tài chính: 2.762.855

-Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.422.281.952

-Chi phí bán hàng:700.943.072

Từ các số liệu trên kế toán lập các phiếu kế toán số 122 (**biểu 2.21**), số 123 (**biểu 2.22**), số 125 (**biểu 2.23**), số 126 (**biểu 2.24**), số 127 (**biểu 2.25**) Từ phiếu kế toán, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**biểu 2.26**). Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 911 (**biểu 2.27**), Sổ cái TK 821(**biểu 2.28**), Sổ cái TK 421(**biểu 2.29**).

Biểu 2.21 Phiếu kế toán số PKT 122

Công ty CP bao bì Hùng Vương
 Số 525, Đường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
 MST : 0201900473

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 122

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	17.745.935.153
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.762.855
	Cộng			17.748.698.008

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.22 Phiếu kế toán số PKT123

Công ty CP bao bì Hùng Vương
 Số 525, Đường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
 MST : 0201900473

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 123

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	13.659.264.677
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	700.943.072
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.422.281.952
	Cộng			15.782.489.701

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.23 Phiếu kế toán số PKT 125

Công ty CP bao bì Hùng Vương
Số 525,Đường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
MST : 0201900473

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 125

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	393.241.661
	Cộng			393.241.661

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.24 Phiếu kế toán số PKT 126

Công ty CP bao bì Hùng Vương
Số 525,Đường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
MST : 0201900473

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 126

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	911	821	393.241.661
	Cộng			393.241.661

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.25 Phiếu kế toán số PKT 127

Công ty CP bao bì Hùng Vương
 Số 525, Đường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
 MST : 0201900473

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 127

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2020	911	421	1.572.966.646
	Cộng			1.572.966.646

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.26. Sổ nhật ký chung(Trích sổ nhật ký chung)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư
 200/2014/TT-BTCngày22/12/2014
 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu BH,doanh thu HĐTC	511	17.745.953.153	
				515	2.762.855	
				911		17.748.698.008
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng,chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN	911	15.782.489.701	
				632		13.659.246.677
				641		700.943.072
				642		1.422.281.952
31/12	PKT 125	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	393.241.661	
				3334		393.241.661
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911	393.241.661	
				821		393.241.661
31/12	PKT 127	31/12	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	1.572.966.646	
				421		1.572.966.646
....
			Tổng cộng phát sinh		140.598.443.000	140.598.443.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tênđóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.27 Sổ Cái TK 911(Trích sổ cái Tk 911)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư
 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và cung cấp DV	511		17.745.953.153
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515		2.762.855
31/12	PKT 123	22/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	13.659.246.677	
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	641	700.943.072	
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển Chi phí quản lý Doanh nghiệp	642	1.422.281.952	
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	393.241.661	
31/12	PKT 127	31/12	Kết chuyển lãi	421	1.572.966.646	
			Cộng phát sinh		17.748.698.008	17.748.698.008
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.28 Sổ Cái TK 821(Trích sổ cái Tk 821)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT 125	31/12	Thuế thu nhập DN phải nộp	3334	393.241.661	
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		393.241.661
			Cộng phát sinh		393.241.661	393.241.661
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.29 Sổ Cái TK 421(Trích sổ cái Tk 421)

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525,Đường Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư
 200/2014/TT-BTCngày22/12/2014
 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu:421

Năm 2020

Đơn vị tính:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			<u>2.054.613.911</u>
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển lãi	911		1.572.966.646
			Cộng phát sinh		.	1.572.966.646
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>3.627.580.557</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

Biểu 2.30 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương

Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: B02-DN

(Ban hành theo Thông tư

200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.745.935.153	11.955.678.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		17.745.935.153	11.955.678.124
4. Giá vốn hàng bán	11		13.659.264.677	10.053.867.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.086.670.476	1.901.810.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.762.855	1.346.450
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay.	23			
8. Chi phí bán hàng	25		700.943.072	613.878.940
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26		1.422.281.952	900.487.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-25-26)	30		1.966.208.307	388.790.393
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.966.208.307	388.790.393
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		393.241.661	77.498.079
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		1.572.966.646	311.292.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG.

3.1. Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP, XĐKQKD tại Công ty Cổ phần Bao bì Hùng Vương

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương đã mang đến cho e cái nhìn sơ bộ và một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Cùng với quá trình trưởng thành, chuyển đổi của mình, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất yêu cầu quản lý, hạch toán kinh tế. Điều này thể hiện rõ ở những mặt sau:

**Về bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, chặt chẽ, có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đảm bảo cung cấp kịp thời những yêu cầu cơ bản về thông tin kế toán của công ty. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hóa, của giá cả hàng hóa, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và hoạt động khác. Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, Ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc.

** Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:*

- Hệ thống chứng từ được tổ chức, sắp xếp tương đối tốt, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ và đầy đủ theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

- Luân chuyển chứng từ: Tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán là kiểm tra tính đúng đắn, trung thực, hợp lệ... các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán. Sau đó sắp xếp, phân loại chứng từ rồi tiến hành định khoản, ghi sổ kế toán.

- Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương sử dụng hợp lý và tương đối chi tiết các tài khoản kế toán theo chế độ hiện hành.

** Về hệ thống sổ kế toán*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- *Về công tác kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

- *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:* về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của ban lãnh đạo công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Mặc dù Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương đã rất sát sao việc hoàn thiện và nâng cao bộ máy kế toán trong doanh nghiệp, song công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn tồn tại một số điểm như sau:

- Công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh vì vậy chưa theo dõi được chi tiết doanh thu, chi phí theo từng nhóm mặt hàng.

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp...

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương được sự chỉ bảo của cô chú các phòng ban, đặc biệt là ban Giám đốc tạo điều kiện và Phòng kế toán, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động kinh doanh và thực trạng Công tác tổ chức kế toán tại Công ty. Qua những kiến thức đã học trong nhà trường và liên hệ với quy trình thực tế tại Công ty, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương :

- Ý kiến thứ nhất: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, giá vốn cho từng nhóm mặt hàng

Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương kinh doanh nhiều mặt hàng, doanh thu thu được hàng năm khá lớn. Tuy nhiên, các sổ sách về doanh thu, chi phí mà kế toán lập ra mới chỉ dừng lại ở các sổ tổng hợp (Nhật ký chung, Sổ cái các TK 511, 632, 642...) chứ chưa được hệ thống qua các sổ chi tiết. Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định được lợi nhuận của từng mặt hàng mang lại.

Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm các sổ chi tiết bán hàng theo từng nhóm mặt hàng, các sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo từng nhóm mặt hàng....

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết bán hàng nên dùng cho hoạt động kinh doanh của công ty:

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng theo nhóm mặt hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S35-DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Nhóm Hộp giấy
Năm 2020

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (hộp)	Đơn giá (đồng/hộp)	Thành tiền (đồng)	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
07/12	0001088	07/12	Bán hàng cho Công ty TNHH thương mại Hùng Nguyên	111	550	23.500	12.925.000		
...
			Cộng số phát sinh				3.662.732.490		
			- Doanh thu thuần				3.662.732.490		
			- Giá vốn hàng bán				2.955.754.000		
			- Lãi gộp				706.978.490		

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu)

Biểu 3.2 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2020

STT	Tên nhóm mặt hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Hộp giấy			3.662.732.490	3.662.732.490		
2	Thùng Carton			7.006.714.450	7.006.714.450		
...		
	Cộng			17.745.935.153	17.745.935.153		

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo nhóm mặt hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương
Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S36-DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Nhóm Hộp giấy
Năm 2020

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền	Ghi Nợ tài khoản 632	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Đơn giá
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...		
07/12	HĐ GTGT 1088	07/12	Bán hàng cho Công ty TNHH thương mại Hùng Nguyên	155	10.516.550	550	19.121
...		
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2.955.754.000		
			Số dư cuối kỳ		2.955.754.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.4 Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ: Số 525, Đường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632-Gía vốn hàng bán

Năm 2020

STT	Tên nhóm mặt hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Hộp giấy			2.955.754.000	2.955.754.000		
2	Thùng Carton			5.897.866.459	5.897.866.459		
...		
	Cộng			13.659.264.677	13.659.264.677		

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

- Ý kiến thứ hai: Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán đồ điện khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

*** Chiết khấu thương mại**

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

- Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Trường hợp: Người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn.

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
khách hàng ≥ 300 thùng(hộp)	0.5%
khách hàng ≥ 500 thùng(hộp)	1%

Ví dụ 1: Ngày 17/12/2020 bán hàng cho Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông HD00001094 số tiền 10.200.000 đồng (chưa thuế).

Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông mua 400 thùng Carton 3 lớp với giá 25.000đ, vì vậy công ty cổ phần bao bì Hùng Vương khi viết hóa đơn xuất bán ngày 17/12 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 0,5%.

Gía bán chưa thuế: $25.000 - (25.000 \times 0,5\%) = 24.875đ$

Định khoản:

Nợ TK 112: 10.945.000

Có TK 511: $400 \times 24.875 = 9.950.000$

Có TK 3331: 995.000

Biểu 3.5 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001094

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/003		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 17 tháng 12 năm 2020			Số: 0001094		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG					
Mã số thuế: 0201900473					
Địa chỉ: Số 525 Đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0225.3850785					
Số tài khoản: 118000068710-Ngân hàng Vietinbank					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đức Văn					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH Giấy gỗ Hà Đông					
Mã số thuế: 0102147298					
Địa chỉ: Số 112 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HP					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 2460176750994					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6= 4 x 5
1	Thùng carton 3 lớp		400	24.875	9.950.000
Cộng tiền hàng:					9.950.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			995.000
Tổng cộng thanh toán					10.945.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu chín trăm bốn mươi năm nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương)

- Ý kiến thứ ba: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán.

Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để mang lại hiệu quả cao trong công việc và giảm áp lực, khối lượng cho Phòng kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán hữu ích được nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ sử dụng. Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương nên lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm kinh doanh cho doanh nghiệp. Trên thị trường hiện nay có một số loại phần mềm kế toán thông dụng như: MISA, FAST, BRAVO..... Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí, giúp bộ máy kế toán trở nên đơn giản, gọn nhẹ...

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET:

Là một trong những phần mềm kế toán phổ biến nhất ở Việt Nam với hơn 130.000 doanh nghiệp đang sử dụng, MISA SME.NET hiện đang là sự lựa chọn của nhiều doanh nghiệp hiện nay bởi những tính năng kế toán ưu việt, đầy đủ, chính xác và hệ sinh thái hóa đơn điện tử, ngân hàng điện tử giúp doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí, thời gian.

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ tài chính - kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Sản xuất, Xây lắp và dịch vụ.

- Được phát triển bởi Công ty Cổ phần MISA với hơn 25 năm kinh nghiệm, phần mềm kế toán MISA SME.NET đạt chuẩn ISO 9000, ISO 27000, CSA Star và không ngừng tích hợp những tính năng tối ưu nhất cho người làm kế toán:

+ Phần mềm tự động cập nhật phiên bản mới nhất giúp doanh nghiệp kịp thời cập nhật các quy định, thông tư mới nhất của Bộ Tài Chính. Do đó, kế toán sẽ không bỏ sót bất cứ điều khoản nào cũng như gặp phải những sai sót không đáng có trong quá trình làm việc.

+ MISA SME.NET là phần mềm kế toán đầu tiên có thể quản lý tình hình tài chính - kế toán thông qua mobile. Thông qua MISA SME.NET Mobile, kế toán hay chủ doanh nghiệp có thể truy cập và nắm bắt tức thời mọi hoạt động tài chính kế toán của doanh nghiệp mình.

+ Đặc biệt, MISA SME.NET là phần mềm kế toán tiên phong tích hợp phần mềm hóa đơn điện tử, ngân hàng điện tử và kết nối thẳng với Tổng cục thuế

giúp cho công việc quản lý hóa đơn, nghiệp vụ ngân hàng, kê khai thuế thuận tiện, đơn giản và tiết kiệm chi phí.

+ Bên cạnh đó, độ chính xác cao và công nghệ bảo mật cũng là một trong những điểm mạnh của phần mềm: độ bảo mật gần như tuyệt đối vì phần mềm được chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp không cần lo lắng vấn đề bảo mật này như khi chạy trên các cơ sở dữ liệu khác.

Dưới đây là hình ảnh về phần mềm kế toán MISA SME.NET (Hình 3.1).



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET.

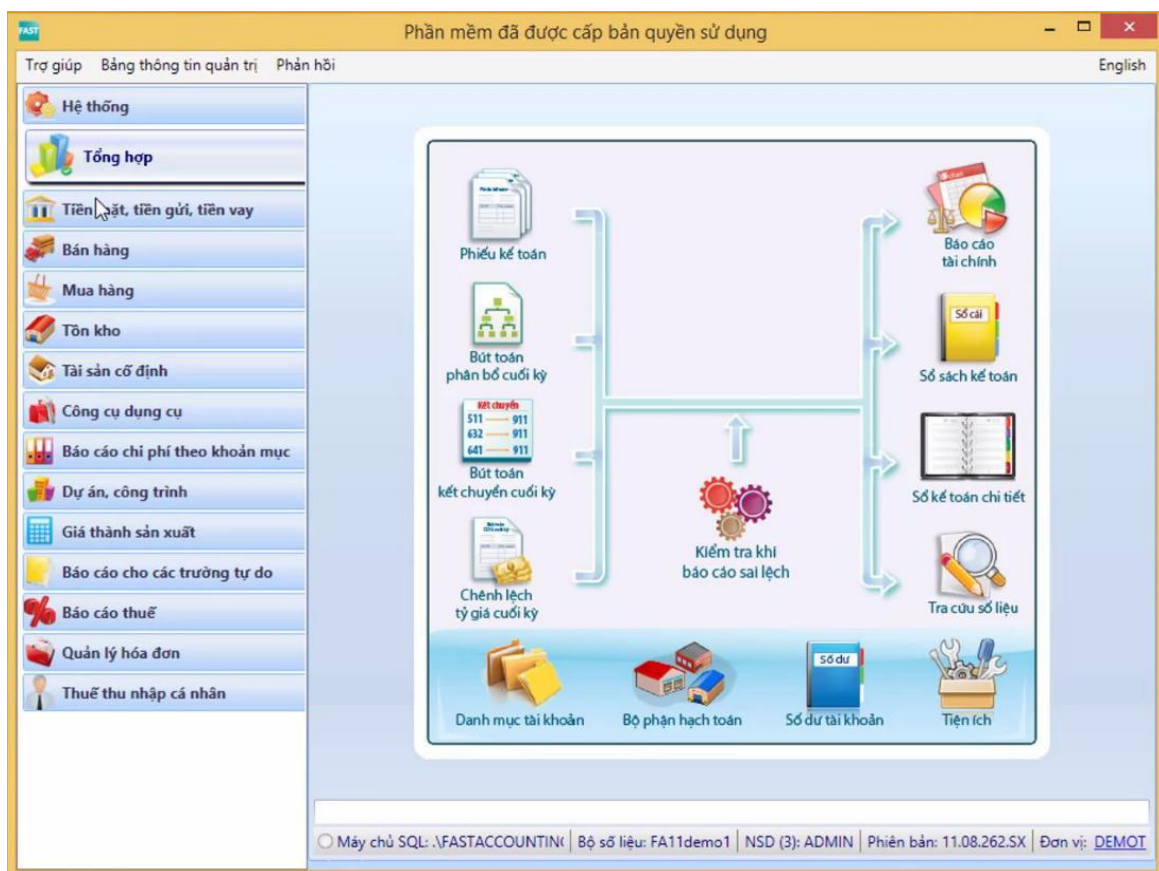
- Phần mềm kế toán máy FAST Accounting:

+ Được phát triển và hoàn thiện liên tục từ năm 1997, phần mềm kế toán FAST Accounting hiện có hơn 15.600 doanh nghiệp sử dụng.

+ FAST Accounting có ưu điểm về giao diện đơn giản, dễ sử dụng cùng tốc độ xử lý nhanh. Thông tin báo cáo trên phần mềm đa dạng và dễ dàng truy xuất.

+ Điểm nổi bật nhất của FAST Accounting được đánh giá là phần mềm mạnh về kế toán quản trị và tính giá thành sản xuất và giá thành công trình xây lắp.

Dưới đây là hình ảnh về phần mềm kế toán FAST Accounting (Hình 3.2).



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán FAST Accounting.

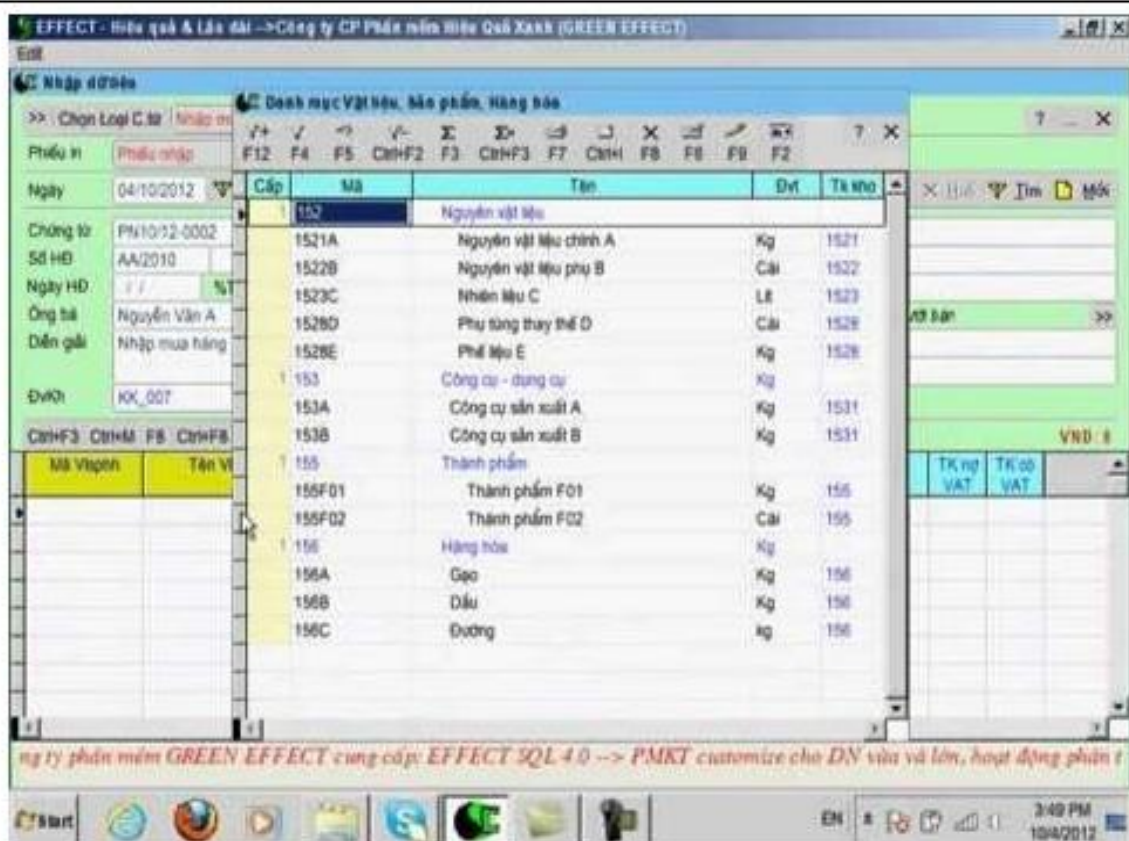
- Phần mềm kế toán EFFECT:

+ Là một trong những phần mềm kế toán quản trị doanh nghiệp với hơn 15 năm trong lĩnh vực phần mềm, EFFECT là một trong những thương hiệu uy tín và tin cậy đối với người dùng. Được đánh giá cao bởi hơn 3000 doanh nghiệp sử dụng phần mềm.

+ Tương tự như 2 phần mềm MISA và FAST, EFFECT cũng có đầy đủ các nghiệp vụ kế toán theo thông tư của Bộ Tài Chính. Phần mềm kế toán EFFECT được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán quản trị doanh nghiệp do nhiều mô hình kinh doanh từ nhỏ đến vừa và lớn.

+ Là một trong những phần mềm kế toán phân chia rõ các loại hình kinh doanh, EFFECT cho phép khách hàng thiết kế riêng biệt cho từng doanh nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp. Với một mức phí nhất định, doanh nghiệp có thể sử dụng phần mềm EFFECT dành riêng cho doanh nghiệp mình. Đồng thời, EFFECT có giao diện thuận tiện và khá dễ sử dụng, giúp cho kế toán viên dễ dàng thực hiện các thao tác, nghiệp vụ kế toán.

Dưới đây là hình ảnh phần mềm kế toán EFFECT (Hình 3.3).



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán EFFECT.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương” đã đạt vấn đề cơ bản như sau:

- Về lý luận: đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

- Về thực tiễn: khóa luận phản ánh về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương với số liệu năm 2020 minh chứng cho những lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác kế toán, đặc biệt đánh giá công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, khóa luận đưa ra được ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương.

- Ý kiến 1: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, chi phí cho từng nhóm mặt hàng.

- Ý kiến 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

- Ý kiến 3: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán.

Do thời gian thực tập tại công ty không có nhiều và kiến thức thực tế của em còn có hạn nên báo cáo của em còn nhiều thiếu sót. Với mong muốn nâng cao trình độ chuyên môn, em mong rằng sẽ nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ từ các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị phòng kế toán - tài chính Công ty CP bao bì Hùng Vương đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Lê Thị Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. hướng dẫn chế độ kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. “Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác” theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1).
4. Nguyễn Ngọc Quang (2012), *Giáo trình Kế toán Quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
5. Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương (2020), *Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính*.